

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2017**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2018*

Đ \* M.S.D



# LCS

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

### PHẦN 1

## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1. Thông tin chung về công ty:

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166
Tên tiếng Anh:	LICOGI 166 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LICOGI 166
Mã chứng khoán:	LCS
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 4, Toà nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	04. 222 50718 Fax: 04. 222 50716
Website:	www.licogi166.vn Email: info@licogi166.vn
Mã số doanh nghiệp:	0102264629 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp idđ lần thứ 11 ngày 4 tháng 12 năm 2014
Vốn điều lệ	76.000.000.000 đồng ( <i>Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn</i> )
Số tài khoản:	2111 0000 189225 Ngân Hàng ĐT & PT, Chi nhánh Hà Nội

Logo Công ty:



#### 2. Phạm vi lĩnh vực hoạt động chính của Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629 ngày 4/12/2014 (thay đổi lần thứ 11), Công ty CP Licogi 166 đăng ký hoạt động đa ngành nghề, tuy nhiên hiện trọng tâm hoạt động của Công ty hướng vào các lĩnh vực chính sau đây:

- Thi công xây dựng hạ tầng (*trọng tâm là xây lắp hạ tầng cấp thoát nước, đường giao thông, công trình thủy lợi*);
- Tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và sản xuất đá xây dựng);

### 3. Những sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển:

- Ngày 18/5/2007, Công ty Cổ phần Licogi 16.6 được chính thức thành lập với số vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. Trụ sở chính của Công ty đăng ký tại Ô số 1, Lô 4, Đền Lừ 1, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Tháng 9/2009, Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ mới tại tầng 4, Tòa nhà văn phòng Công ty 34, ngõ 164, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Tháng 9/2009, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng.

- Tháng 7/2010, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 41 tỷ đồng.

- Ngày 06/7/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu của mình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LCS.

- Tháng 7/2011, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 41 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.

- Tháng 7/2012, Hoàn thành thi công đập dâng Công trình thủy điện Bản Chát với Khối lượng 1,6 triệu m<sup>3</sup> bê tông đầm lăn (RCC).

- Tháng 10/2012, Công ty thực hiện việc sáp nhập Công ty LICOGI 16.9 vào Công ty Cổ phần 16.6 tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 76 tỷ đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Licogi 166.

- Tháng 6/2013 Công ty Cổ phần Licogi 166 hoàn thành việc thoái vốn khỏi công ty CP Sông Đà Cao Cường thông qua việc bán 890.000 Cổ phiếu SCL.

- Tháng 12 năm 2014, Công ty tiến hành tái cấu trúc toàn diện: Định hướng tập trung vào 3 lĩnh vực hoạt động chính: Thi công xây lắp các công trình hạ tầng, giao thông; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công xây lắp các công trình điện. Đồng thời tiến hành bố trí sắp xếp lại các vị trí lãnh đạo cấp cao, cơ cấu lại các Phòng ban, tinh giản bộ máy nhân sự; triển khai rà soát sửa đổi, bổ sung các quy trình Quản lý; thực hiện các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động; tăng cường công tác huấn luyện đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao; Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm ...

- Năm 2015 với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban điều hành và tập thể CBCNV công ty, những kết quả của công tác tái cấu trúc đã bước đầu phát huy

tác dụng, Công ty đã khôi phục được đà tăng trưởng, các Phòng ban, BDH dự án của Công ty hoạt động thực sự hiệu quả, chuyên nghiệp, công tác tìm kiếm việc làm có nhiều kết quả khả quan khi tổng giá trị hợp đồng xây lắp ký được trong năm đạt trên 400 tỷ VNĐ ...

- Năm 2016 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng có được từ năm trước, ngay từ đầu năm, Công ty đã có nhiều dự án lớn cùng triển khai.

- Tháng 6 năm 2017, kỷ niệm 10 năm ngày thành lập công ty.

- Tháng 8 năm 2017 công ty ký thêm 02 hợp đồng thi công xây dựng gói thầu XL10 và XL20 dự án đường cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn.

#### **4. Quá trình hình thành và phát triển:**

Tiền thân là Chi nhánh của Công ty CP Licogi 16 tại Hà Nội. Licogi 166 được kế thừa và phát huy nền tảng kiến thức, kinh nghiệm và năng lực của Licogi 16 trong công tác tổ chức và quản lý thi công, xây lắp (đặc biệt các công trình Giao thông, thủy lợi, thủy điện, cơ điện...);

Bằng nội lực của đơn vị và sự kế thừa kinh nghiệm và năng lực của Licogi 16, Licogi 166 đã tổ chức thi công bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao được Chủ đầu tư và các tổ chức Tư vấn đánh giá cao tại Dự án thủy điện Bản Chát; hiện Licogi 166 đang thực hiện thi công xây lắp Dự án có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao như Dự án luồng cho tàu có tải trọng lớn vào Sông Hậu (gói thầu số 6B), Dự án BOT quốc lộ 38 (gói thầu số 11 và gói thầu số 12), Dự án đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn (gói thầu số 5 và số 6), Dự án thi công xây dựng hệ thống công nổi Hồ Vực Hồ Đầu Bàng và Hồ Tư Đình thuộc địa bàn quận Long Biên Hà Nội.

Trong lĩnh vực đầu tư sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: Sau một thời gian đình vượng mắc về thủ tục, quá trình chuẩn bị cho công tác khai thác, đến nay công ty đã ký kết được đơn hàng xuất khẩu đi Bangladesh – Mỏ đá Licogi 166 là dự án được kỳ vọng đóng góp một phần doanh thu lớn cho công ty năm 2018.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017:**

Năm 2017 là một năm đặc biệt khi lần đầu tiên sau nhiều năm cả nước hoàn thành toàn diện và vượt mức 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, trong đó tăng trưởng GDP đạt 6,7%, mức cao nhất trong gần 10 năm qua. Chính phủ tiếp

tục ưu tiên đầu tư phát triển đặc biệt là đầu tư cho các dự án lớn về hạ tầng giao thông, nhiều dự án lớn trong đó có các dự án sử dụng nguồn vốn từ xã hội hóa được triển khai, mở ra không ít cơ hội nhưng cũng đi kèm thách thức đối với những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng giao thông như Licogi 166 chúng ta.

Đối với Licogi 166, năm 2017 cũng là năm ghi đậm dấu ấn của quá trình 10 năm hình thành và phát triển, là năm hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ sang một giai đoạn phát triển mới. Năm 2017, mức lợi nhuận vượt mong đợi, về cơ bản công ty đã xóa lỗ lũy kế. Các dự án lớn triển khai trong năm 2017 đều đạt và dự kiến vượt tiến độ so với cam kết với Nhà đầu tư, tiêu biểu là dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, giai đoạn 2 dự án thoát nước Long Biên, các dự án khác như cao tốc Hạ Long Vân Đồn – mặc dù chậm do thay đổi nhà đầu tư, điều chuyển khối lượng, giá trị thực tế giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công thấp hơn giá trị hợp đồng và việc bàn giao mặt bằng rất chậm và sẽ kết thúc vào tháng 5 năm 2018.

Tại mỏ đá Licogi 166 sau thời gian dài trễ hẹn do phải hoàn thành khâu thủ tục, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm. Mỏ đã đi vào sản xuất liên tục và đều đặn xuất hàng cho đối tác nước ngoài mang về nguồn thu ổn định cho công ty.

Trong công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm qua, HĐQT chỉ đạo quyết liệt tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý, nâng cao kỹ năng, năng lực của Công ty.

Để đạt được kết quả đó, HĐQT, Ban TGD đã nỗ lực, quyết liệt thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể:

### **1. Tìm kiếm việc làm:**

Vẫn biết, nếu không có việc làm thì sẽ không có gì cả, tuy nhiên trong giai đoạn cạnh tranh ngày càng khốc liệt hiện nay, để có được 1 hợp đồng là không dễ dàng. Không chỉ có mối quan hệ tốt, chịu khó đi, chịu khó tìm tòi, không chỉ có năng lực thi công thực sự đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư mà mỗi doanh nghiệp còn phải có lượng tài chính dồi dào, sẵn sàng vào cuộc. Nếu không có sự mạnh dạn dám nghĩ dám làm của người Lãnh đạo, nếu không có sự đồng lòng, chia sẻ của các cán bộ quản lý, sẽ rất khó để thu xếp ổn thỏa tài chính đáp ứng yêu cầu.

Cho đến hết năm 2017, giá trị hợp đồng chúng ta đã ký được đạt hơn 300 tỷ đồng. Ngoài ra còn các dự án tiềm năng khác, tổng giá trị hợp đồng dự kiến ký được trong năm 2018 đạt 400 tỷ đồng, đây sẽ là nguồn công việc ổn định cho những năm tiếp theo.

## **2. Công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực:**

Năm 2017 là năm mà nguồn nhân lực của công ty tiếp tục được củng cố và phát triển thêm một bước mới, HĐQT và Ban điều hành chủ trương: Công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phải luôn đi trước, luôn luôn chủ động trước sự thay đổi về quy mô, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Chất và lượng của nguồn nhân sự có thể đáp ứng được yêu cầu tham gia các dự án có quy mô lớn hơn hiện tại.

Công tác tuyển dụng nhân sự - đặc biệt là nhân sự quản lý cấp trung và cao được chú trọng đặc biệt, song song với việc quy trì và phát triển nguồn nhân công lao động có tay nghề cao vận hành khai thác tối đa hiệu năng của xe máy thiết bị. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác quản lý dự án tại các phòng ban ổn định và được bổ sung đều có trình độ chuyên môn cao và nhiều năm kinh nghiệm.

Cùng với đó công tác đào tạo nội bộ được triển khai định kỳ thường xuyên.

## **3. Công tác củng cố tài chính:**

Xác định tài chính là một khâu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nên ngay từ đầu, HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD đã luôn chủ động trong việc chuẩn bị thu xếp nguồn tài chính, bằng việc:

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền và chỉ đạo quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, song song với đó là tổ chức nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn.

- Huy động nguồn vốn nhân rỗi trong cán bộ công nhân viên Công ty trong từng thời điểm. Đây là bước đi sáng tạo và quan trọng, góp phần nâng cao năng lực tài chính và tạo niềm tin với các tổ chức tín dụng.

- Duy trì mối quan hệ tốt với ngân hàng BIDV và các tổ chức tín dụng hiện có. Năm 2017 Công ty đã quan hệ tín dụng tăng thêm với Ngân hàng Vietinbank CN Thành An để thực hiện việc bảo lãnh và tài trợ vốn cho công trình trọng điểm cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn góp phần ổn định nguồn tài chính phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 4. **Củng cố và tăng cường năng lực thiết bị:**

Song song với việc xây dựng hệ thống, con người, củng cố tài chính, công tác củng cố và tăng cường năng lực thiết bị cũng được Ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm.

Cho đến thời điểm hiện nay, tổng giá trị thiết bị của Công ty đã lên đến trên 100 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu thiết bị phục vụ thi công nền đường, tiến tới hoàn thiện dần thiết bị đủ thi công toàn bộ các công đoạn của công trình giao thông và nâng cao năng lực khai thác sản xuất tại mỏ đá Licogi 166.

Tính đến hết năm 2017, tổng giá trị đầu tư để củng cố và tăng cường năng lực xe máy thiết bị sản xuất thi công thực hiện được, như sau:

TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	Mỏ đá Licogi 166	5,077 tỷ VNĐ
2	Thiết bị thi công công trình	14,948 tỷ VNĐ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20,025 tỷ VNĐ</b>

#### 5. **Hoàn thiện bổ sung quy trình, ứng dụng các giải pháp công nghệ vào hoạt động quản lý điều hành:**

Sau 3 năm tích cực tái cấu trúc công ty, nhiều mặt hoạt động của Công ty có nhiều biến chuyển rất tích cực, trong quản trị điều hành việc xây dựng hoàn thiện quy trình quản lý, quy trình làm việc đặc biệt chú trọng vì đó là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các quy trình thường xuyên được rà soát, bổ sung theo hướng vừa đơn giản, khoa học, đảm bảo hiệu quả khi đưa vào vận hành.

Một mặt, công ty tích cực ứng dụng các phần mềm với nhiều tiện ích vào công tác quản lý, như vận hành hệ thống phần mềm kế toán mới, phần mềm văn phòng điện tử mOFFICE, phần mềm lưu trữ hồ sơ trực tuyến DocPro ... do các đối tác có năng lực xây dựng và chuyển giao, hứa hẹn sẽ nâng cao cả về chất và lượng của hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.

#### 6. **Xây dựng và Hoàn thiện các chính sách với người lao động:**

Xác định, con người là nhân tố quyết định đến mọi thành bại của bất kỳ tổ chức nào, Ban điều hành công ty đã nhất quán chú trọng việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, cải thiện môi trường làm việc, quan tâm giải quyết tốt chế độ chính sách của người lao động.



## LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Năm 2017, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả làm việc đến từng Phòng ban, bộ phận và cá nhân người lao động. Công ty đã tổ chức thường xuyên cử cán bộ cấp gửi cán bộ cấp trung đi đào tạo các khóa ngắn hạn, các chương trình hội thảo, tập huấn góp phần cải thiện trình độ lý luận, quản lý cũng như nâng cao kỹ năng làm việc cho cán bộ. Đặc biệt năm hoạt động đào tạo nội bộ được triển khai thường xuyên nhằm bổ biến nội quy, quy định, hướng dẫn thực hiện quy trình làm việc đến cán bộ công nhân viên các phòng ban, công trường.

Năm 2017, cũng là năm CBCNV tung bùng kỷ niệm 10 năm thành lập công ty, nhiều phong trào thi đua lao động sản xuất được phát động tại các công trường như Dự án thoát nước Long Biên, Dự án cao tốc Hạ Long Vân Đồn, kèm theo đó là loạt sự kiện hoạt động bên lề được tổ chức hết sức sôi động và ý nghĩa góp phần không nhỏ trong việc tăng cường tinh thần đoàn kết, khí thế hăng say lao động sản xuất trong toàn công ty.

Việc tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát, cùng với Công đoàn thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ... được duy trì thường xuyên, đó là nguồn động viên lớn, tạo sự gắn gũi, gắn kết của mỗi thành viên với nhau và với ngôi nhà chung Licogi 166.

Với tất cả những tính toán và bước đi trên, năm 2017 Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ	TỶ LỆ% TH/KH
1	Tổng giá trị sản lượng	233,233 tỷ VNĐ	79%
2	Tổng doanh thu	220,672 tỷ VNĐ	82%
3	Lợi nhuận	17,838 tỷ VNĐ	

**Trong đó:**

TT	NỘI DUNG	SẢN LƯỢNG	DOANH THU
1	Thi công xây lắp	221,403 tỷ VNĐ	183,676 tỷ VNĐ
2	Kinh doanh và cho thuê TS	0 tỷ VNĐ	26,242 tỷ VNĐ
3	Sản xuất vật liệu xây dựng	11,830 tỷ VNĐ	10,574 tỷ VNĐ

### III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY:

Để xây dựng Công ty trở thành một tổ chức lớn mạnh và bền vững, có vị thế và có uy tín trong lĩnh vực mà Công ty tham gia, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thống nhất định hướng hoạt động của Công ty tập trung vào 2



lĩnh vực chính là: Thi công xây lắp hạ tầng (*trọng tâm là xây lắp hạ tầng cấp thoát nước, đường giao thông, công trình thủy lợi*); Tập trung nguồn lực cho lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác và sản xuất đá xây dựng).

Cùng với đó Công ty hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ trung năng động, đầy nhiệt huyết khát khao cống hiến có trình độ chuyên môn, kỹ năng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

### **1. Tầm nhìn:**

- Trở thành một công ty xây dựng có uy tín và vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hạ tầng giao thông.

### **2. Sứ mệnh:**

- Tạo ra các sản phẩm có chất lượng mang lại niềm tin cho khách hàng.  
- Xây dựng và giữ gìn môi trường làm việc thân thiện, năng động, chuyên nghiệp sáng tạo, mang lại lợi ích tốt nhất cho nhân viên, đảm bảo hiệu quả kinh doanh đáp ứng mong muốn của cổ đông.

### **3. Giá trị cốt lõi:**

- Sáng tạo, tự tin, tôn trọng, đoàn kết, chính trực.

### **4. Định hướng và chiến lược phát triển:**

Con người là yếu tố quyết định, cạnh tranh là động lực của sự phát triển, sự phát triển bền vững là chìa khóa tạo dựng thành công.

Phát triển hoạt động của công ty vào 2 lĩnh vực chính gồm: Thi công xây dựng các công trình hạ tầng (đường giao thông, hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện) và lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (khai thác, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng).

- Không ngừng nâng cao sức mạnh nội lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng nhằm duy trì sự phát triển ổn định của công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát và quản lý rủi ro.

- Xây dựng các kênh thông tin và mở rộng mối quan hệ với đối tác, khách hàng để tìm kiếm, tiếp cận và dành được các dự án mới đem lại việc làm và doanh thu cho công ty.



# LCS

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Đẩy mạnh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đá và các sản phẩm từ mỏ đá Licogi 166;

- Kiên định mục tiêu phát triển bền vững, tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và sáng tạo, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển năng lực cá nhân và tạo dựng sức mạnh tập thể để mang lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp, cho các Cổ đông và cho các thành viên trong Công ty.

### PHẦN II

#### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### I. NHỮNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017:

###### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ	TỶ LỆ% TH/KH
1	Tổng giá trị sản lượng	233,233 tỷ VNĐ	79%
2	Tổng doanh thu	220,672 tỷ VNĐ	82%
3	Lợi nhuận	17,838 tỷ VNĐ	

###### Trong đó:

TT	NỘI DUNG	SẢN LƯỢNG	DOANH THU
1	Thi công xây lắp	221,403 tỷ VNĐ	183,676 tỷ VNĐ
2	Kinh doanh và cho thuê TS	0 tỷ VNĐ	26,242 tỷ VNĐ
3	Sản xuất vật liệu xây dựng	11,830 tỷ VNĐ	10,574 tỷ VNĐ

##### II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

###### 1. Đánh giá chung:

Năm 2017 Doanh thu hoàn thành đạt 82% (220,672 tỷ/268,82 tỷ) so với mục tiêu kế hoạch đặt ra. Với kết quả đạt được như trên đánh giá chưa hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra do một số nguyên nhân sau đây:

- Dự án Bắc Giang Lạng Sơn việc bàn giao mặt bằng quá chậm, do thay đổi thiết kế xử lý nền đất yếu tại gói XL20, gia cố mái dốc tại gói XL10 chưa được chủ đầu tư phê duyệt; Dự án Thoát nước Long Biên thường xuyên thay đổi phương án xử lý, thay đổi biện pháp thi công chủ đạo so với Biện pháp đã được duyệt khi ký kết hợp đồng, chủ đầu tư chậm trễ trong công tác thanh toán cho nhà thầu; Dự án Hạ Long Vân đồn công tác tổ chức thi công chậm tiến độ so với các mốc tiến độ công trường đã cam kết với công ty, một số vị trí thi công

thường xuyên bị cản trở thi công do việc chủ đầu tư chậm giải phóng mặt bằng, đền bù dân cư; Mỏ đá Cùm đụn chậm xuất khẩu đá so với kế hoạch đặt ra và cuối năm 2017 mới triển khai xuất khẩu được những tàu đá đầu tiên. Ngoài ra 1 số dự án công ty đang tiếp cận, tìm kiếm mới lùi thời gian triển khai thực hiện do với thời gian dự kiến ban đầu.

- Tại các dự án thi công xây lắp: Do đặc thù công tác thi công các công trình giao thông, công trình thi công theo tiến độ thi công bị ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện thời tiết, đặc biệt một số dự án như cao tốc Hạ Long Vân Đồn, Bắc Giang Lạng Sơn tại vùng Đông Bắc, nơi lượng mưa, thời tiết khu vực không thuận lợi, thời gian mưa lớn kéo dài phải ngừng thi công.

## **2. Thuận lợi:**

- Công ty có sẵn các dự án lớn chuyển tiếp từ năm trước sang (Dự án cao tốc Hạ Long Vân Đồn, Thoát nước Long Biên)

- Được sự quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện của Công ty mẹ Licogi 16 trong việc tham gia ký kết hợp đồng cũng như tham gia chào giá đấu thầu tìm kiếm dự án.

- Các công trường thi công luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời từ Ban lãnh đạo Công ty.

- Có số lượng lớn xe máy thiết bị và được đầu tư mới đồng bộ để tổ chức triển khai các công trình giao thông.

- Năng lực quản lý điều hành dự án ngày càng được nâng cao, xuyên suốt từ Ban lãnh đạo công ty đến các BĐH công trường luôn sát sao, quyết liệt trong công tác quản lý, tổ chức điều hành công trường.

- Nhân lực ổn định tại các dự án, Cán bộ có trách nhiệm và nhiệt huyết trong công việc, ngoài ra công ty đã và đang tuyển dụng thêm nhiều nhân lực có chất lượng.

## **3. Khó khăn:**

- Công tác tìm kiếm dự án mới trong năm 2018 và các năm tiếp theo khá khó khăn mặc dù công ty tích cực tăng cường quan hệ với đối tác cũng như thường xuyên thực hiện công tác chào giá đấu thầu.

- Về tài chính khó khăn, thiếu vốn phục vụ cho SXKD, nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực tài chính của công ty còn hạn chế, công tác nghiệm thu

thanh toán với chủ đầu tư tại các dự án còn chậm dẫn việc khó khăn trong việc cân đối dòng tiền phục vụ cho các dự án.

- Công tác tổ chức thi công tại một số dự án vẫn còn chậm tiến độ so với yêu cầu của công ty, chủ đầu tư.

- Mỏ đá Licogi 166 sắp hết hạn khai thác cần tiếp tục xin gia hạn thời gian khai thác, máy móc thiết bị thường xuyên hỏng hóc, công tác sản xuất tại mỏ chưa phát huy được hết hiệu suất của thiết bị nghiền sàng.

- Về cơ bản các dự án công ty triển khai năm 2017 đã hoàn thành theo yêu cầu của chủ đầu tư (Cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, thoát nước Long Biên....) tuy nhiên một số dự án còn vướng mắc không thể thực hiện đúng tiến độ mong muốn như:

**Dự án cao tốc Hạ Long Vân Đồn:**

+ Tiến độ thi công chậm do chậm bàn giao mặt bằng từ chủ đầu tư (Gói thầu số 05).

+ Quá trình thi công bị cản trở do việc đền bù giải phóng mặt bằng từ chủ đầu tư.

+ BĐH chưa quản lý, đôn đốc tốt các thầu phụ, tổ đội thi công để đạt mục tiêu tiến độ đề ra.

+ Công tác cấp vật tư, sửa chữa thiết bị chưa kịp thời theo yêu cầu của công trường.

**Dự án đầu tư khai thác mỏ đá Licogi 166:** Thiết bị thường xuyên hỏng hóc, hiệu suất sử dụng không cao làm ảnh hưởng tới công tác sản xuất, khai thác, Công tác tìm kiếm đầu ra để thúc đẩy mảng kinh doanh đá còn nhiều khó khăn trong công tác ký kết hợp đồng.

**Dự án Công hợp thoát nước Long Biên:**

- Quy hoạch thiết kế cửa xả hồ Dầu Bông thay đổi và hiện tại chưa được phê duyệt, mặt bằng không được bàn giao đúng cam kết.

**2.2 Công tác đầu tư:**

Stt	Đầu tư cho Công trình/hạng mục	Số tiền	Ghi chú
1	Mỏ đá Licogi 166	199.700.000	

2	Xe máy, thiết bị công trình	20.477.051.696	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20.676.751.696</b>	

### 2.3 Công tác tổ chức nhân sự:

- Xác định, con người là nhân tố quyết định đến mọi thành bại của bất kỳ tổ chức nào, Ban lãnh đạo công ty đã nhất quán chú trọng việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, cải thiện môi trường làm việc, quan tâm giải quyết tốt chế độ chính sách của người lao động. Năm 2017 vừa qua, một mặt Công ty tiến hành việc sắp xếp lại cơ cấu nhân sự trong toàn công ty để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nâng cao hiệu quả làm việc của từng cá nhân người lao động, góp phần tiết giảm chi phí quản lý. Mặt khác vẫn đảm bảo duy trì đội ngũ Cán bộ công nhân viên nòng cốt có tay nghề và tâm huyết làm tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong tương lai của công ty.

- Đặc biệt năm 2017 Công ty tiếp tục tuyển dụng được đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết, đủ sức đảm đương các công việc có yêu cầu cao tại các công trường cũng như văn phòng công ty.

- Năm 2017, Công ty đã tổ chức các chương trình đào tạo cán bộ cấp trung đi đào tạo các khóa ngắn hạn, góp phần cải thiện trình độ lý luận, quản lý cũng như nâng cao kỹ năng làm việc cho cán bộ.

- Tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát, cùng với Công đoàn thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ... đó là nguồn động viên lớn, tạo sự gắn gũi, gắn kết của mỗi thành viên với nhau và với ngôi nhà chung Licogi 166.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng được cơ chế trả lương hấp dẫn, trả lương vào một ngày cố định trong tháng, đủ sức thu hút, lôi cuốn được người lao động mới, cũng như giữ được người lao động cũ, có trình độ và tâm huyết ở lại với Công ty.

- Việc cải thiện tình hình tài chính cũng góp phần duy trì ổn định thời điểm chi trả lương, giải quyết công nợ với các cơ quan thuế, bảo hiểm, tạo nên một điểm sáng trong bức tranh tươi mới về hình ảnh của Công ty trong năm qua.

Việc xây dựng chính sách hợp lý cũng như thu xếp được nguồn tài chính lành mạnh và ổn định đã tạo tâm lý phấn khởi trong người lao động để yên tâm làm việc.

#### **2.4. Công tác quan hệ nhà đầu tư:**

- Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng thực hiện tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư và quan hệ công chúng, mọi thông tin liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, tới tình hình tài chính... đều được công bố kịp thời với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng công khai trên trang điện tử của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Pháp luật.

- Tính đến thời điểm 4/4/2018, Công ty có tổng cộng 338 cổ đông, trong đó có 9 cổ đông là các tổ chức, 328 cổ đông là cá nhân và 1 cổ đông nước ngoài.

## **II. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2017:**

- Tiếp tục kiên trì định hướng trọng tâm hoạt động vào 2 lĩnh vực chính đó là Xây lắp các công trình hạ tầng giao thông và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, từ đó xác định và điều chỉnh ngành nghề kinh doanh phù hợp với năng lực và tích cực tìm kiếm các dự án mới; Năm 2017 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt nhiều kết quả rất đáng khích lệ, về cơ bản công ty đã xóa lỗ lũy kế, mức lợi nhuận đạt được vượt xa mức kỳ vọng.

- Công tác tìm kiếm việc làm có nhiều chuyển biến tích cực góp phần quan trọng cho việc duy trì các công trình, dự án gói đầu liên tục cho mảng thi công xây lắp.

- Mỏ đá Licogi 166 đi vào sản xuất và xuất khẩu hàng đều đặn mang lại nguồn thu ổn định cho công ty.

- Các hoạt động nhằm tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, sàng lọc bộ máy nhân sự nhằm phát huy năng lực và hiệu quả làm việc của người lao động để thích nghi với tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp – đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động thi công xây lắp, tích cực tìm kiếm việc làm và nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tuyển dụng thêm những nhân sự có chất lượng, đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng làm việc cho cán bộ, nhân viên, xây dựng và ban hành các quy trình quản lý và quyết liệt chỉ đạo thực hiện;

- Tập trung công tác thu hồi vốn, thanh toán công nợ, củng cố, thu xếp nguồn vốn để đầu tư và phục vụ sản xuất;
- Đầu tư máy móc thiết bị, nâng cao năng lực thực hiện các dự án;
- Thực hiện quản trị công ty, công bố thông tin đại chúng bằng quy chế quản trị công ty, quy trình công bố thông tin, các quy chế quản lý nội bộ khác.
- Xây dựng và hoàn thiện và đưa vào vận hành các quy trình làm việc để nâng cao hiệu quả hoạt động trong toàn công ty.
- Điều chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động trong Công ty.
- Đưa vào áp dụng các phần mềm quản lý nhân sự, văn phòng điện tử, phần mềm số hóa và lưu trữ văn bản, hồ sơ tài liệu từ đó rút ngắn thời gian xử lý công việc đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý.

### **III. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:**

Mặc dù đã rất nỗ lực để đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2017, tuy nhiên có những rủi ro đến từ Chủ đầu tư, đặc biệt dự án Hạ Long Vân Đồn không có mặt bằng và thay đổi thiết kế, dẫn đến sản lượng và doanh thu không đạt được như mong muốn. Mặc dù vậy, năm 2018 vẫn sẽ là một năm nhiều hứa hẹn về một kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thể đạt và vượt nhiều chỉ tiêu.

Bên cạnh đó, mỏ đá Licogi 166 đã ổn định công tác sản xuất và kinh doanh đem lại nguồn thu ổn định cho công ty.

Chính vì vậy, HĐQT đã họp và đề ra mục tiêu năm 2018, như sau:

#### **Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018:**

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ 2018 so với 2017
1	Doanh thu	220.672	305.025	138%
2	Vốn điều lệ	76.000	76.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	17.838	5.500	
4	Tỷ lệ cổ tức	0	0	
5	Chi phí QL Cty + lãi vay	18.171	20.902	

6	Tỷ lệ Chi phí QL Cty/doanh thu	8,23%	5,96%	
5	Thu nhập bình quân	8.5	9	

**Kế hoạch đầu tư năm 2018:**

TT	ĐẦU TƯ CHO CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Mỏ đá Licogi 166	11,438 tỷ VNĐ	
2	Xe máy, thiết bị công trình	8,500 tỷ VNĐ	
3	Đầu tư khác	2,0 tỷ VNĐ	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21,938 tỷ VNĐ</b>	

Để làm được như vậy, nhiệm vụ đặt ra là:

**1. Hoạch định chiến lược:**

- Kiên trì với định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vào 2 lĩnh vực chính: Thi công xây dựng các công trình hạ tầng giao thông và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực khác.

- Từng bước hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa mọi hoạt động của Công ty đủ sức cạnh tranh trong tình hình kinh doanh mới.

**2. Công tác tìm kiếm việc làm:**

- Tiếp tục phát huy năng lực khai thác các mối quan hệ, mở rộng tìm kiếm nguồn công việc cho các ngành nghề đã chọn: Xây dựng hạ tầng đường giao thông, xây dựng hạ tầng các dự án BT, BOT...

- Chủ động nguồn tài chính, tích cực công tác tìm kiếm việc làm, phấn đấu ký được tối thiểu 03 hợp đồng đạt giá trị ít nhất 500 tỷ đồng trong năm 2018, nhằm duy trì nguồn việc ổn định cho năm tiếp theo.

**3. Công tác tìm kiếm, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:**

- Tiếp tục sàng lọc, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực kế cận, tạo nên lực lượng lao động đủ về lượng, giàu về chất, đáp ứng yêu cầu sản xuất và quản lý, có thể thích ứng nhanh với quá trình tăng trưởng và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



- Hoàn thiện các quy trình quản lý, xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp có sự tương tác cao, phối hợp nhịp nhàng giữa các Đơn vị Phòng ban; giữa Phòng ban với Ban điều hành dự án.

- Tiếp tục lựa chọn các khóa đào tạo ngắn hạn, tăng cường hoạt động đào tạo nội bộ, xây dựng văn hóa Công ty, hoàn thiện kỹ năng làm việc cho cán bộ nhân viên, cải thiện năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

- Nghiên cứu và xây dựng cơ chế giao chỉ tiêu công việc đối với các phòng ban, Ban điều hành và từng CBCNV, gắn kết quả thực hiện công việc với lương thưởng, nhằm khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, trách nhiệm và hăng say lao động.

#### **4. Công tác tài chính:**

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền, điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, đảm bảo chủ động tài chính cho sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục giữ vững mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại, tìm kiếm đối tác mới, tăng hạn mức bảo lãnh cũng như hạn mức vay.

- Tích cực công tác đôn đốc nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ, đảm bảo hiệu quả đồng vốn.

- Tiếp tục huy động nguồn vốn nhân rồi từ cán bộ công nhân viên, cải thiện năng lực tài chính phục vụ thi công các dự án.

- Đặc biệt chú trọng công tác thanh toán thu hồi vốn tại các dự án thi công xây lắp: Công tác thanh toán thu hồi vốn luôn song hành với tiến độ thi công, làm đến đâu hoàn thành thanh toán thu hồi vốn đến đó.

#### **5. Công tác quản lý các dự án:**

Tăng cường công tác quản lý, cải thiện phương pháp thi công, làm giảm chi phí dự án. Muốn vậy, mỗi cán bộ nhân viên dự án phải:

- Rà soát và cải tiến quy trình quản lý tiến độ, chất lượng, quản lý tài chính và thanh toán thu hồi vốn với dự án. Xây dựng lực lượng lao động chuyên nghiệp, thạo việc và chăm chỉ.

- Chủ động trong thực thi công việc, nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu đã đặt ra.

- Đẩy mạnh công tác lập kế hoạch, lưu trữ hồ sơ song song với việc điều hành sản xuất. Cải thiện và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, tiết kiệm thời gian và gia tăng hiệu quả.

- Cải tiến quy trình quản lý tài sản, vật tư, thiết bị, con người tránh thất thoát và giảm thiểu chi phí phát sinh, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tìm kiếm các nhà cung cấp vật tư, dịch vụ có năng lực, kiên trì đàm phán, quản lý sát sao nhằm giảm thiểu chi phí.

#### **6. Công tác đầu tư:**

Với mục tiêu chủ động hơn nữa trong việc tìm kiếm, khai thác việc làm, khai thác tiềm năng, thế mạnh của Công ty. Năm 2018 Công ty dự kiến đầu tư 21,938 tỷ VNĐ trong đó sửa văn phòng 2,0 tỷ VNĐ, đầu tư thiết bị công trình 19,938 tỷ VNĐ.

Các mục tiêu cụ thể:

##### **a. Dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn:**

Tập trung hoàn thành bàn giao toàn bộ dự án gói XL20 trong tháng 11/2018, gói XL10 trong tháng 12/2018. Hoàn thành công tác lập hồ sơ hoàn công & thanh toán công trình trong 12/2018 với giá trị 162,5 tỷ VNĐ.

##### **b. Dự án cao tốc Hạ Long Vân Đồn:**

Hoàn thành thi công cả 2 gói thầu (Gói 5 và gói 6) trong tháng 05/2018. Song song đó là hoàn thành hồ sơ chất lượng, hồ sơ hoàn công và thanh toán với giá trị 58 tỷ VNĐ trước ngày 30/09/2018.

##### **c. Dự án thoát nước Long Biên:**

Tập trung thi công hoàn thành toàn bộ Gói 1 trước ngày 15/05/2018.

Tiếp tục triển khai thi công Gói 2 hoàn thành trước ngày 30/05/2018.

Hoàn tất hồ sơ, thanh toán cả 2 Gói đạt giá trị 31,9 tỷ VNĐ hoàn thành trước 30/09/2018.

##### **g. Mỏ đá Licogi 166:**

- Tổ chức sản xuất 3 ca/ngày, đạt 25.000 tấn đá 1\*2/tháng.

- Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực khai thác và sản xuất để đạt mục tiêu duy trì xuất khẩu đá sang thị trường nước ngoài định kỳ 1 tàu 45.000 tấn/tháng.

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ngoài Bangladesh.

##### **h. Các nhiệm vụ khác:**

- Nghiên cứu các dự án đầu tư phù hợp với năng lực Công ty và có khả năng sinh lời trong trung hạn, nhằm mở rộng thị trường đầu tư kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược, tìm kiếm cơ hội, liên danh, liên kết, mở rộng hợp tác kinh doanh.

### PHẦN III

#### BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

##### 1. Thành phần Tiểu ban kiểm toán độc lập:

- Bà Bùi Thị Nhân Huệ - Thành viên HĐQT: Trưởng tiểu ban
- Ông Nguyễn Anh Tú – Thành viên HĐQT: Thành viên Ban kiểm toán độc lập.
- Bà Trần Thị Chuyên – Phó Phòng Tài chính Kế toán: Thành viên

##### 2. Kết quả hoạt động năm 2017 của Tiểu ban:

Trong năm 2017 Tiểu ban kiểm toán độc lập đã tiến hành hoạt động kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 trong việc quản lý điều hành của Công ty cụ thể:

Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của Công ty và năm 2017.

Xem xét tính phù hợp của các quyết định HĐQT, ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy định của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật và điều lệ công ty.

Từng thành viên trong Tiểu ban đã thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công đảm bảo hiệu quả của công tác kiểm tra giám sát.

Tiểu ban kiểm toán độc lập đã tổ chức các cuộc họp nhằm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, rà soát kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả các mặt hoạt động của công ty để có các kiến nghị, quyết định trong phạm vi thẩm quyền nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban kiểm toán độc lập.

##### 3. Kết quả báo cáo tài chính của Công ty năm 2017:



## LCS

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

---

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm toán nhận thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và các chế độ chính sách tài chính áp dụng thể hiện trong báo cáo tài chính kế toán năm 2017 là phù hợp. Ban kiểm toán độc lập nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính quý, 6 tháng:

+ Báo cáo tài chính đáp ứng được các nội dung theo quy định.

+ Thời gian lập báo cáo tài chính trong năm đúng quy định, kịp thời phục vụ yêu cầu quản trị của Công ty và thông tin đến các Cổ Đông.

- Kết quả giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý điều hành.

Các Biên bản và Nghị quyết HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp theo quy định, việc gửi các tài liệu liên quan đến Ban kiểm toán độc lập được thực hiện đầy đủ.

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định, tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty và quy định của Pháp luật.

Năm 2017 Ban kiểm toán nội bộ không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

Ban Tổng giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, công việc được giao nêu trong Nghị quyết của Đại hội cổ đông và của HĐQT.

Tổng Giám đốc đã điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, ban hành các quyết định phục vụ quản lý điều hành.

Các cán bộ quản lý khác của Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, công việc được giao, chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

#### PHẦN IV

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### 1. Tình hình tài sản:

Kết thúc năm tài chính 2017, tổng tài sản của Công ty 311 tỷ đồng, tăng 84 tỷ đồng so với năm 2016. Trong đó, các chỉ tiêu có sự biến động lớn trong năm 2016 bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 5.6 tỷ VNĐ
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 22 tỷ VNĐ
- Hàng tồn kho tăng 47 tỷ VNĐ so với năm 2016 chủ yếu là do việc ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của công trình Cổng hợp long biên và công trình Bắc Giang Lạng Sơn.
- Tài sản cố định tăng 9 tỷ VNĐ.
- Đầu tư tài chính dài hạn tăng 1 tỷ VNĐ so với năm 2016 do trong năm 2017 công ty ghi nhận khoản lãi đầu tư tài chính vào công ty con – Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Licogi 166.

Từ những tăng các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	73,2%	67,3%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	26,7%	32,7%

Cơ cấu tài sản ngắn hạn tăng 5,9% và cơ cấu tài sản dài giảm 6% giữa năm 2016 và 2017.

## **2. Tình hình nợ phải trả**

Trong năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính có nhiều chuyển biến tích cực. Công ty thanh toán kịp thời các chế độ cho người lao động như lương hàng tháng được trả vào ngày 7 của tháng sau, tiền BHXH và các khoản khác được thanh toán đầy đủ. Các khoản trả nợ vay ngân hàng luôn được Công ty trả nợ đúng hạn. Kết thúc năm tài chính 2017, nợ phải trả của Công ty là 229.4 tỷ VNĐ tăng 66,8 tỷ VNĐ so với năm 2016. Các yếu tố làm tăng nợ phải trả bao gồm:

- Nợ ngắn hạn tăng 58,8 tỷ VNĐ chủ yếu do:
  - + Phải trả người bán ngắn hạn tăng 17 tỷ VNĐ chủ yếu công nợ các nhà cung cấp Công trình Bắc Giang Lạng Sơn, thoát nước Long Biên và Hạ Long Vân Đồn.

+ Người mua trả tiền trước tăng 28,7 tỷ VNĐ chủ yếu do Chủ đầu tư tạm ứng thi công đường cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn.

+ Vay ngắn hạn tăng 18 tỷ VNĐ

- Nợ dài hạn tăng 8 tỷ VNĐ do trong năm 2017 Công ty đầu tư máy móc thiết bị đầu tư cho công trình cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn.

**3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số thanh toán hiện hành	1,08	0,99
- Hệ số thanh toán nhanh	0,65	0,71
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,72
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,26	0,28
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho	2,9	4,7
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,71	0,72

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Các hệ số thanh toán năm 2017 tăng không đáng kể so với năm 2016.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Các tỷ suất nợ và tỷ suất tự tài trợ năm 2017 không thay đổi so với năm 2016 cho thấy Công ty cần tích cực hơn nữa trong công tác nghiệm thu thanh toán để giảm dư nợ và chủ động hơn về công tác tài chính.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 (2,9 lần) giảm so với năm 2016.

**4. Giá trị sổ sách của công ty:**

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017, Vốn chủ sở hữu của Công ty là tại thời điểm 31/12/2017 được phản ánh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017	82.193.885.163 VNĐ
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000 cổ phần

**5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:**

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán

*Đơn vị tính: VNĐ*

Mã số	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.672.219.654	162.962.297.218
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.672.219.654	162.962.297.218
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(192.280.410.257)	(143.134.403.756)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.391.809.397	19.827.893.462
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	257.409.237	1.731.329.708
22	7. Chi phí tài chính	(7.118.892.208)	(11.376.683.515)
23	Trong đó chi phí lãi vay	(8.131.147.794)	(7.384.413.243)
24	8. Chi phí bán hàng		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.040.582.023)	(9.576.880.063)
30	10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.489.744.403	605.659.592
31	11. Thu nhập khác	6.352.645.993	45.454.545
32	12. Chi phí khác	(3.661.233)	(4.300.142)
40	13. Lợi nhuận khác	6.348.984.760	41.154.403
50	14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	17.838.729.163	646.813.995
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
60	16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	17.838.729.163	646.813.995

Doanh thu năm 2017 tăng 57.7 tỷ VNĐ tương đương với tỷ lệ tăng 26.1% so với năm 2016 dẫn đến giá vốn tăng 49 tỷ VNĐ tương đương với 25.5%, năm 2017 công ty có hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Bản Chát 6 tỷ VNĐ làm cho thu nhập khác tăng 6 tỷ VNĐ. Bên cạnh đó chi phí tài chính năm 2017 giảm 4 tỷ VNĐ so với năm 2016 (*năm 2016 Công ty có trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con 4 tỷ đồng nhưng năm 2017 Công ty đã hoàn nhập dự phòng vào công ty con 1 tỷ VNĐ, lãi tiền vay tăng gần 1 tỷ VNĐ*). Điều này dẫn tới năm 2017 Công ty lãi 17.8 tỷ VNĐ.

## PHẦN V

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### I. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

##### 1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 38689566

Fax: (+84 24) 38686248

Website: [www.kiemtoanava.com.vn](http://www.kiemtoanava.com.vn)

##### 2. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 01/03/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

##### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



**Trách nhiệm của Kiểm toán viên:**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có**

**II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN: (Phụ lục kèm theo báo cáo)**

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.



## LCS

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

---

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



## LCS BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

---

### PHẦN VI CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

#### 1. Công ty Cổ phần LICOGI 16:

Công ty Cổ phần Licogi 16 là thành viên sáng lập của Công ty. Hiện nay, Công ty Cổ phần Licogi 16 đang nắm giữ 3.527.753 cổ phần của Công ty tương ứng với tỷ lệ 46,42 % tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16 đã đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCG.

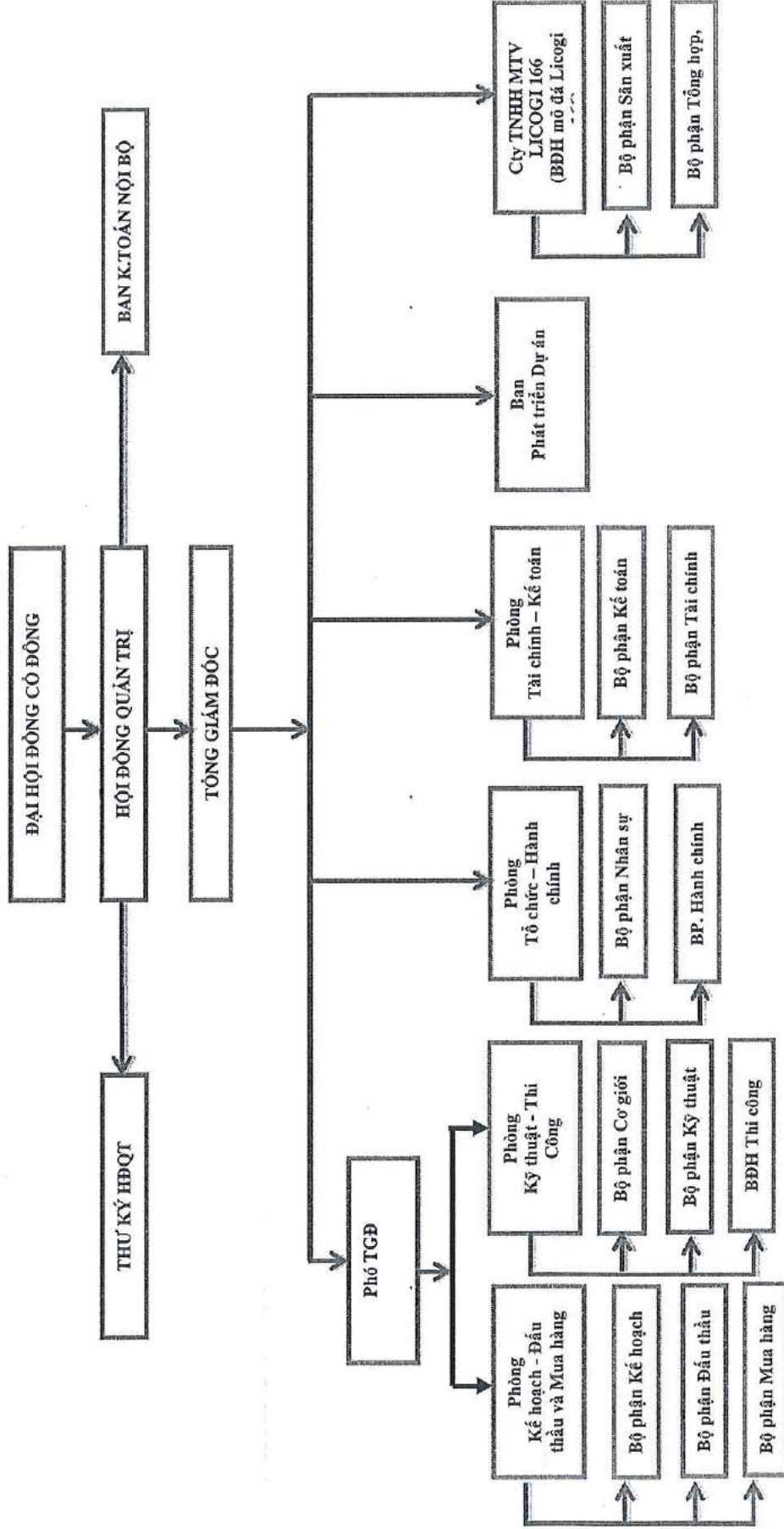
2. Công ty TNHH MTV VLXD Licogi 166: Là Công ty con của Công ty CP Licogi 166 là pháp nhân đại diện tại mỏ đá Licogi 166 – Phường Kỳ Phương - Thị xã Kỳ Anh – Tỉnh Hà Tĩnh.

### PHẦN VII TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### I. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

##### 1. Sơ đồ tổ chức:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166



## **2. Đại hội đồng Cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

## **3. Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

## **4. Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và giám đốc các khối do HĐQT quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

## **5. Các phòng nghiệp vụ và đơn vị thành viên của Công ty:**

### **a. Phòng Kế hoạch - Đấu thầu - Mua hàng:**

Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ được thành lập trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kế hoạch Đấu thầu Mua hàng của Công ty là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực Kinh tế, Kế hoạch, Đấu thầu, Mua hàng.

### **b. Phòng Kỹ thuật - Thi công:**

Phòng Kỹ thuật – Thi công là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty, thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Kỹ thuật – Thi công có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Quản lý dự án bao gồm: Tổ chức và triển khai dự án, quản lý kỹ thuật, khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn.

- Quản lý máy móc thiết bị, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất, thi công.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Công ty thực hiện công tác tổ chức và triển khai các hoạt động thi công xây lắp, khoa học kỹ thuật và quản lý xe máy thiết bị của Công ty.

**c. Phòng Tài chính – Kế toán:**

Phòng Kế toán- Tài chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty được thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT. Phòng Tài chính – Kế toán của có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác tài chính;
- Công tác kế toán;
- Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty;
- Quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong

toàn Công ty.

**d. Phòng Tổ chức – Hành chính:**

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của công ty được thành lập trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

Phòng Tổ chức – Hành Chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác tổ chức, nhân sự;
- Công tác Hành chính, văn phòng.

**d. Ban phát triển dự án:**

Ban phát triển dự án là bộ phận chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và thực hiện các công việc trong công tác tiếp thị đấu thầu, quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thông tin, tìm kiếm dự án tạo việc làm cho Công ty.

**e. Các Ban điều hành Công trường:** Là các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện các dự án thi công xây lắp và sản xuất của công ty sau khi hợp đồng được ký kết.

**f. Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Licogi 166:** Là đơn vị thực hiện khai thác, sản xuất và kinh doanh mỏ đá Licogi 166.

**II. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY:**

**1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc công ty:**



**LCS**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>CHỨC VỤ</b>
Ông Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**2. Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc:**

**- Ông Vũ Công Hưng – Tổng Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973

Nơi sinh: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng

**- Ông Vũ Đình Dũng – Phó Tổng Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1958

Nơi sinh: Hải Dương

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: P. 303 - A11 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

**3. Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc: Không.**

**4. Chính sách đối với người lao động**

**- Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Tuy nhiên, thời gian làm việc tại các công trường sẽ được bố trí phù hợp với yêu cầu thi công trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp: Người lao động làm việc tại Văn phòng Công ty tại Tầng 4 Tòa nhà JSC34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Hà Nội được trang bị khang trang hiện đại; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ theo đúng yêu cầu của Pháp luật.

**- Chính sách đào tạo:**

Xác định sự phát triển bền vững của Công ty chính đội ngũ CBCNV tâm huyết có trình độ chuyên môn, kỹ năng chuyên môn cao trong tất cả các bộ phận công tác, do vậy Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Trong năm 2017, Công ty Tổ chức chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho CBNV các phòng ban, các BDH. Đặc biệt công tác đào tạo nội bộ được triển khai thường xuyên nhằm tăng cường hiệu quả làm việc của cá nhân người lao động và tập thể các Phòng ban, BDH. Trong những năm tiếp theo Công ty vẫn sẽ dành nguồn ngân sách cố định định cho hoạt động đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đưa chính sách này trở thành chính sách đãi ngộ để thu hút người lao động.

**- Chính sách lương:**

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, đảm bảo người lao động hưởng mức lương tương xứng với công sức đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm của mỗi người và phù hợp với các quy định của Nhà nước.

**- Chính sách thưởng:**

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, hàng Quý, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng, mức thưởng cho mỗi CBCNV bình quân từ nửa tháng đến một lương/quý.

Công ty còn xây dựng quỹ khen thưởng đặc biệt của Giám đốc, để khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sáng kiến lao động sản xuất ...

**- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:**

Quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV trung bình mỗi năm một lần.



PHẦN VIII  
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

**1. Cơ cấu:**

**a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:**

**- Ông Vũ Công Hưng – Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973

Địa chỉ thường trú: Phòng B2410, nhà B chung cư 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng.

**- Ông Tăng Quốc Thuộc – Thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm sinh: 28/8/1977

Địa chỉ thường trú: Chung cư Phố Đông, đường Liên Phường, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế và QTKD

**- Ông Nguyễn Anh Tú - Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ngày tháng năm sinh: 18/9/1974

Địa chỉ thường trú: P1502 A8 Bùi Ngọc Dương - P.Bạch Mai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

**- Ông Lê Đình Đáp – Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 19/2/1974

Địa chỉ thường trú: P12B01, 151A Nguyễn Đức Cảnh, phường Trương Mai, quận Hoàng Mai - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

**- Bà Bùi Thị Nhân Huệ – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Ngày tháng năm sinh: 13/7/1973

Địa chỉ thường trú: SN 40 ngách 73/97 Nguyễn Lương Bằng - Phường Nam Đồng - Q.Đống Đa - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đối ngoại

**b. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT:**

- Tiểu ban xây dựng chiến lược phát triển

- Tiểu ban nhân sự lương thưởng

- Tiểu ban kiểm toán nội bộ.

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã định kỳ tổ chức họp nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo xử lý các vấn đề vướng mắc. Để linh hoạt trong quản lý, điều hành, một số trường hợp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng bằng văn bản.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua nhiều nghị quyết, quyết định và các tài liệu quan trọng liên quan đến cơ cấu tổ chức và định hướng phát triển của Công ty, nổi bật như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	3/4/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.</li> <li>- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2017-2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.</li> <li>- Trình ĐHĐCĐ phê chuẩn việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty CP Licogi 166 theo điểm b, khoản 1 điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014.</li> <li>- Thống nhất thông qua thời gian, địa điểm, nội dung chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2017.</li> <li>- Thống nhất trình ĐHĐCĐ 2017 sửa đổi bổ sung điều lệ công ty.</li> <li>- Thống nhất đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2017 bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 với 5 thành viên.</li> </ul>
2	Số 02/2017/QĐ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản)	21/4/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bầu ông Vũ Công Hưng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công</li> </ul>

			<p>ty CP Licogi 166.</p> <p>- Bổ nhiệm bà Bùi Thị Nhân Huệ - Thành viên HĐQT độc lập kiêm nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm toán nội bộ.</p> <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo sửa đổi Quy chế quản trị công ty theo hướng bổ sung các quy định có liên quan đến thành viên HĐQT độc lập và Ban kiểm toán nội bộ.</p>
3	Số 04/2017/NQ-HĐQT	24/5/2017	<p>- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2017.</p> <p>- Thống nhất việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022.</p> <p>- Thống nhất việc thành lập các Ban, tiểu ban trực thuộc HĐQT.</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung lần 1 và ban hành Quy chế quản trị Công ty cho phù hợp với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Licogi 166.</p>

- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, đầu tư mà Đại Hội đồng cổ đông Công ty đặt ra.

### 3. Thù lao Hội đồng quản trị:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty đã tiến hành chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Stt	Đối tượng	Mức chi/tháng	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000 VNĐ	
2	Thành viên HĐQT	3.000.000 VNĐ	
4	Thư ký HĐQT	2.000.000 VNĐ	

**4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:**

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại thời 4/4/2018 (thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 theo danh sách Tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cấp ngày 4/4/2018 số V470/2018-LCS/VSD-ĐK) được thống kê như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ/VĐL
1	Vũ Công Hưng	Chủ tịch HĐQT/TGD	85.000	1,12%
2	Tăng Quốc Thuộc	Thành viên HĐQT	0	0
3	Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	18.000	0,24%
4	Lê Đình Đáp	Thành viên HĐQT	0	0
5	Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập	38.900	0,51%
6	Vũ Đình Dũng	Phó TGD	14.300	0,19%
7	Hà Thị Huệ	Kế toán trưởng	5.100	0,07%

**5. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

a. **Giao dịch cổ phiếu:** Không có

b. **Các giao dịch khác:** Không có

**II. DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:**

**1. Dữ liệu về cổ đông:**

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp ngày 4/4/2018, số liệu về cổ đông của Công ty được thống kê như sau:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty: 7.600.000 cổ phần

Tổng số cổ đông của Công ty: 338 cổ đông

**Trong đó:**

Cổ đông là tổ chức: 9 cổ đông nắm giữ 3.875.731 cổ phần

Cổ đông là cá nhân: 329 cổ đông nắm giữ 3.724.369 cổ phần

Cổ đông nước ngoài: 1 cổ đông nắm giữ 500 cổ phần

**2. Thông tin về cổ đông nhà nước:** Không có

**3. Thông tin về cổ đông nước ngoài:**

TT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP nắm giữ
1	Sato Mitsuo	IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	500
	<b>Tổng cộng</b>			<b>500</b>

**4. Thông tin về cổ đông sáng lập:**

Theo quy định tại Khoản 3 và 4, Điều 119, Luật Doanh nghiệp: "... 3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

4. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty."

Như vậy tính tới thời điểm báo cáo, mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

**CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**VŨ CÔNG HÙNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
đã được kiểm toán



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10-32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 11 ngày 04/12/2014.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông: Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông: Tăng Quốc Thuộc	Thành viên
Ông: Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông: Lê Đình Đáp	Thành viên
Bà : Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông: Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166**

Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 16/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc





Số: 324 /BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: kiemtoanava.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 01/03/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 166 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**TRẦN TRÍ DŨNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHNKT số: 0895-2018-126-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

---

**NGUYỄN BẢO TRUNG**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHNKT số: 0373-2018-126-1

12/12/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết- minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>224.798.060.262</b>	<b>144.713.035.813</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>5.787.968.036</b>	<b>167.437.151</b>
1. Tiền	111		787.968.036	167.437.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	2.200.000.000	2.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.835.562.290</b>	<b>89.341.106.101</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	56.954.757.590	61.971.009.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	14.921.382.334	16.640.073.985
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	32.430.100.579	11.200.700.478
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(470.678.213)	(470.678.213)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>110.319.793.163</b>	<b>51.011.090.943</b>
1. Hàng tồn kho	141		110.319.793.163	53.032.231.521
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(2.021.140.578)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.654.736.773</b>	<b>1.993.401.618</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	433.523.271	398.400.140
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.221.213.502	1.511.573.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	83.427.575
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>89.562.704.575</b>	<b>84.673.740.273</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>447.407.263</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216			447.407.263
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.723.424.922</b>	<b>75.686.508.081</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	64.000.878.455	68.707.429.160
- Nguyên giá	222		115.156.579.596	118.301.878.001
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(51.155.701.141)	(49.594.448.841)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	17.722.546.467	6.979.078.921
- Nguyên giá	225		19.197.444.548	7.395.161.364
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(1.474.898.081)	(416.082.443)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>1.035.213.000</b>	<b>1.035.213.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.035.213.000	1.035.213.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.804.066.653</b>	<b>7.504.611.929</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	6.804.066.653	7.504.611.929
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>314.360.764.837</b>	<b>229.386.776.086</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(Tiếp theo)

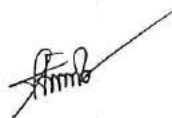
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>232.166.879.674</b>	<b>165.031.620.086</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>215.082.853.683</b>	<b>156.021.982.785</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	39.503.640.276	23.329.100.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	76.783.743.257	48.078.912.616
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	314.562.804	12.513.823
4. Phải trả người lao động	314		4.206.016.970	4.209.896.640
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.042.114.277	916.486.276
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	8.473.756.143	7.172.286.578
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	83.676.945.916	65.629.263.328
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18		6.279.341.993
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		82.074.040	394.181.313
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.084.025.991</b>	<b>9.009.637.301</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		147.671.743	147.671.743
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	16.936.354.248	8.861.965.558
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>82.193.885.163</b>	<b>64.355.156.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>82.193.885.163</b>	<b>64.355.156.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		203.004.974	(17.635.724.189)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.655.598.078)	(18.282.538.184)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		21.858.603.052	646.813.995
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>314.360.764.837</b>	<b>229.386.776.086</b>

Người lập biểu

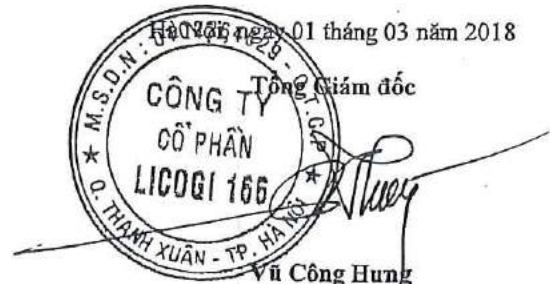


Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	213.171.031.900	157.666.477.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	213.171.031.900	157.666.477.873
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	183.347.861.433	141.418.092.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.823.170.467	16.248.384.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	257.453.454	1.731.435.244
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.131.147.794	7.384.413.243
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.131.147.794	7.384.413.243
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.459.731.724	9.989.747.322
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.489.744.403	605.659.592
12. Thu nhập khác	31	VI.7	6.352.645.993	45.454.545
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.661.233	4.300.142
14. Lợi nhuận khác	40		6.348.984.760	41.154.403
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.838.729.163	646.813.995
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.838.729.163	646.813.995
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.838.729.163	646.813.995
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.347	85
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.347	85

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



Vũ Công Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.838.729.163	646.813.995
2. Điều chỉnh cho các khoản		11.896.516.293	16.308.470.628
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	12.323.304.524	7.073.118.195
- Các khoản dự phòng	03	(8.300.482.571)	2.021.140.578
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(257.453.454)	(170.201.388)
- Chi phí lãi vay	06	8.131.147.794	7.384.413.243
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.735.245.456	16.955.284.623
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.756.688.525)	17.885.633.994
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(57.287.561.642)	(34.880.101.433)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	47.642.535.380	1.404.088.887
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	665.422.145	193.630.577
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.085.618.023)	(7.359.308.108)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(65.739.762)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(312.107.273)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.398.772.482)	(5.866.511.222)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(18.360.221.365)	(10.697.736.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	950.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	257.453.454	124.746.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.102.767.911)	(11.777.535.112)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	134.217.440.809	113.088.567.210
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(100.837.228.776)	(98.524.062.415)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.258.140.755)	(3.028.214.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.122.071.278	11.536.290.186
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.620.530.885	(6.107.756.148)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	167.437.151	6.275.193.299
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.787.968.036	167.437.151

Người lập biểu

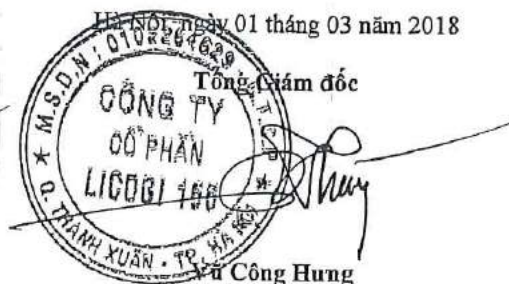


Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 11 ngày 04/12/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 76.000.000.000 đồng (Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi kinh doanh các ngành nghề sau : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi kinh doanh các ngành nghề sau: Thiết bị phòng cháy chữa cháy ;
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi kinh doanh các ngành nghề sau : Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật) ;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết : - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản ;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu  
Chi tiết : Khí công nghiệp, khí nén ;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện  
Chi tiết : Kinh doanh điện ;
- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước  
Chi tiết : Kinh doanh nước ;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ ;
- ✓ Vận tải bằng xe buýt ;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)  
Chi tiết : + Vận tải khách bằng taxi ;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác



Chi tiết: + Vận tải khách du lịch, Vận tải khách theo hợp đồng, Vận tải khách theo tuyến cố định;

- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết: - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;

- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết: Kinh doanh ô tô;

- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết: Kinh doanh phụ tùng ô tô;

- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ; Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;

- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

Chi tiết: Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;

- ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);

- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị

Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;

- ✓ Sản xuất máy chuyên dụng khác

Chi tiết: - Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng;

- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chi tiết: Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí;

- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng;

- ✓ Xây dựng công trình công ích;

- ✓ Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm 31/12/2017, Văn phòng Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Tổng số các công ty con: 01 công ty**

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

**Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

**Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166**

Địa chỉ: Khu đô thị Bắc Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh khai thác đá.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;

- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

## **2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

## 5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

### a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo. Thời gian khấu hao TSCĐ được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d. Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hoá chưa được xác định là tiêu thụ.



Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

#### **20. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

## **21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

### **a. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017		01/01/2017	
Tiền mặt tại quỹ		111.441.768		73.001.665
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		676.526.268		94.435.486
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)		5.000.000.000		-
<b>Cộng</b>		<b>5.787.968.036</b>		<b>167.437.151</b>
2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>
3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
Phải thu khách hàng		33.150.645.195		18.016.556.050
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn		3.750.226.012		8.572.930.272
- Công ty CP Vinaconex 25 - CN Đà Nẵng		803.124.092		2.918.463.292
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng		2.531.242.615		2.408.675.508
- Công ty CP Ngôi nhà mới		17.233.061.216		
- Cty TNHH sản xuất và kinh doanh Ami		5.504.350.000		
- Các khách hàng khác		3.328.641.260		4.116.486.978
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		23.804.112.395		43.954.453.801
<b>Cộng</b>		<b>56.954.757.590</b>		<b>61.971.009.851</b>
4 . Trả trước người bán ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
Trả trước cho người bán		14.921.382.334		16.640.073.985
- Công ty TNHH Sao thỏ Hà Tĩnh		6.200.477.753		7.052.132.884
- Cty CP Cơ khí Hải Thanh				3.592.775.000
- Cty TNHH Trường Thịnh Phát		2.408.884.464		2.981.927.360
- Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân		2.262.000.000		
- Cty TNHH MTVTM &VT Hoàng Khánh Li		1.011.979.500		
- Trả trước cho người bán khác		3.038.040.617		3.013.238.741
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-		-
<b>Cộng</b>		<b>14.921.382.334</b>		<b>16.640.073.985</b>

**5 . Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	2.166.194.645	-	1.323.180.878	-
Tạm ứng	20.090.155.989	-	8.377.519.600	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.723.749.945	-	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.430.100.579</b>	<b>-</b>	<b>11.200.700.478</b>	<b>-</b>

**6 . Nợ xấu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)
+ Công ty CP Licogi 13- XD và KT công trình	74.380.174	(52.066.122)	74.380.174	(52.066.122)
+ CN Khai thác khoáng sản PVC Thanh Hóa	234.244.500	(234.244.500)	234.244.500	(234.244.500)
+ Công ty CP ĐTTM Xây dựng điện 6	368.735.181	(184.367.591)	368.735.181	(184.367.591)
<b>Cộng</b>	<b>677.359.855</b>	<b>(470.678.213)</b>	<b>677.359.855</b>	<b>(470.678.213)</b>

**7 . Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.630.382.459	-	1.506.548.538	-
Công cụ, dụng cụ	50.993.000	-	109.022.319	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.470.053.951	-	45.839.749.909	-
Thành phẩm	19.168.363.753	-	5.576.910.755	(2.021.140.578)
<b>Cộng</b>	<b>110.319.793.163</b>	<b>-</b>	<b>53.032.231.521</b>	<b>(2.021.140.578)</b>

**8 . Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	<b>a, Ngắn hạn</b>	<b>433.523.271</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	66.159.363	191.837.797
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	62.300.000	65.250.000
Khác	305.063.908	141.312.343
<b>b, Dài hạn</b>	<b>6.804.066.653</b>	<b>7.504.611.929</b>
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản và tài sản mỏ khác	6.488.791.203	7.255.738.425
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	18.000.000	121.500.000
Khác	297.275.450	127.373.504
<b>Cộng</b>	<b>7.237.589.924</b>	<b>7.903.012.069</b>

## 9 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	28.554.256.647	74.864.891.793	14.833.829.561	48.900.000	118.301.878.001
Số tăng trong năm	-	1.395.590.909	5.007.372.727	154.974.545	6.557.938.181
<i>Mua trong năm</i>	-	1.395.590.909	5.007.372.727	154.974.545	6.557.938.181
Số giảm trong năm	-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586
Số dư cuối năm	28.554.256.647	68.208.375.729	18.190.072.675	203.874.545	115.156.579.596
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.549.563.365	36.866.944.438	10.136.063.323	41.877.715	49.594.448.841
Số tăng trong năm	214.402.277	9.897.625.801	1.128.728.189	23.732.619	11.264.488.886
<i>Khấu hao trong năm</i>	214.402.277	9.897.625.801	1.128.728.189	23.732.619	11.264.488.886
Số giảm trong năm	-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586
Số dư cuối năm	2.763.965.642	38.712.463.266	9.613.661.899	65.610.334	51.155.701.141
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	26.004.693.282	37.997.947.355	4.697.766.238	7.022.285	68.707.429.160
Tại ngày cuối năm	25.790.291.005	29.495.912.463	8.576.410.776	138.264.211	64.000.878.455

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay:	28.064.428.848
Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	22.229.069.924

## 10 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	7.395.161.364	-	7.395.161.364
Số tăng trong năm	11.802.283.184	-	11.802.283.184
- <i>Thuê tài chính trong năm</i>	11.802.283.184	-	11.802.283.184
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	19.197.444.548	-	19.197.444.548
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	416.082.443	-	416.082.443
Số tăng trong năm	1.058.815.638	-	1.058.815.638
- <i>Khấu hao trong năm</i>	1.058.815.638	-	1.058.815.638
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.474.898.081	-	1.474.898.081
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.979.078.921	-	6.979.078.921
Tại ngày cuối năm	17.722.546.467	-	17.722.546.467

## 11 . Tài sản dở dang dài hạn

31/12/2017

01/01/2017

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.035.213.000	1.035.213.000
- <i>Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai</i>	1.035.213.000	1.035.213.000
<b>Cộng</b>	<b>1.035.213.000</b>	<b>1.035.213.000</b>

12 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	39.503.640.276	39.503.640.276	23.329.100.218	23.329.100.218
- Cty CP Xây Lắp Thủy sản Việt Nam - CN Đà Nẵng	816.931.000	816.931.000	3.447.931.000	3.447.931.000
- Công ty cổ phần JITTA	147.724.500	147.724.500	2.149.281.750	2.149.281.750
- Công ty TNHH MTV XD và VT Sơn Hà	367.326.241	367.326.241	1.720.176.731	1.720.176.731
- Công ty CP XD và TM Đại Thành	307.779.170	307.779.170	202.215.117	202.215.117
- Công ty TNHH SM TM Xây dựng TPA	2.189.565.000	2.189.565.000	-	-
- Công ty TNHH Nền móng xây dựng Nam Việt Lo	773.636.898	773.636.898	-	-
- Công ty cổ phần Nhật Nam	7.155.675.639	7.155.675.639	623.870.740	623.870.740
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	27.745.001.828	27.745.001.828	15.185.624.880	15.185.624.880
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.503.640.276</b>	<b>39.503.640.276</b>	<b>23.329.100.218</b>	<b>23.329.100.218</b>

13 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	76.783.743.257	48.078.912.616
- Ban điều hành tổng thầu bán chất	67.004.168.456	16.380.246
- Công ty cổ phần BOT Bắc giang Lạng sơn	9.779.574.801	48.062.532.370
- Công ty CP BOT Biên Cương	76.783.743.257	48.078.912.616
<b>Cộng</b>	<b>76.783.743.257</b>	<b>48.078.912.616</b>

14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	-	22.838.161.279	22.838.161.279	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.431.933	476.562.551	174.513.570	313.480.914
Các loại thuế khác	1.081.890	86.037.221	86.037.221	1.081.890
<b>Cộng</b>	<b>12.513.823</b>	<b>23.400.761.051</b>	<b>23.098.712.070</b>	<b>314.562.804</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí lãi vay trích trước	160.186.361	114.656.590
Chi phí phải trả khác	1.881.927.916	801.829.686
<b>Cộng</b>	<b>2.042.114.277</b>	<b>916.486.276</b>

16 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2017			01/01/2017
- Kinh phí công đoàn	407.934.529			375.892.574
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	569.903.718			691.333.013
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	5.275.756.165			5.276.813.925
+ Phải trả về cổ tức	38.158.600			38.158.600
+ Ứng trước từ Công ty CP Licogi 16	3.700.000.000			3.700.000.000
+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	226.874.520			355.874.520
+ Phải trả phải nộp khác	1.310.723.045			1.182.780.805
- Tạm ứng dư Có	2.160.758.263			819.379.893
- Phải thu khác dư Có	59.403.468			8.867.173
<b>Cộng</b>	<b>8.473.756.143</b>			<b>7.172.286.578</b>
<b>17 . Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>83.676.945.916</b>	<b>121.054.158.697</b>	<b>103.006.476.109</b>	<b>65.629.263.328</b>
a, Vay ngắn hạn	83.676.945.916	121.054.158.697	97.269.478.776	59.892.265.995
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	83.676.945.916	121.054.158.697	97.269.478.776	59.892.265.995
b, Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	3.567.750.000	3.567.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (2)	-	-	3.423.750.000	3.423.750.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (3)	-	-	144.000.000	144.000.000
c, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	2.169.247.333	2.169.247.333
Công ty TNHH cho thuê tài chính QT Chailease - CN Hà Nội (4)	-	-	2.169.247.333	2.169.247.333
<b>17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>16.936.354.248</b>	<b>13.163.282.112</b>	<b>5.088.893.422</b>	<b>8.861.965.558</b>
a, Vay dài hạn	5.924.750.000	-	-	5.924.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (2)	5.768.750.000	-	-	5.768.750.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (3)	156.000.000	-	-	156.000.000
b, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	11.011.604.248	13.163.282.112	5.088.893.422	2.937.215.558
Công ty TNHH cho thuê tài chính QT Chailease - CN Hà Nội (4)	11.011.604.248	13.163.282.112	5.088.893.422	2.937.215.558
<b>17.3 Số có khả năng trả nợ</b>	<b>100.613.300.164</b>			<b>74.491.228.886</b>
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	83.676.945.916	-	-	65.629.263.328
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.936.354.248	-	-	8.861.965.558

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1672957/HĐTD ngày 15/06/2017. Hạn mức tín dụng: 180.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ

(2) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số 02/1672957/2015/HDTDTH ngày 29/12/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 8.725.000.000đ. Mục đích vay: thanh toán tiền đầu tư Dự án: "Đầu tư máy công trình và phương tiện vận tải bao gồm 4 ô tô tải 3 chẵn, 1 máy đào bánh lốp, 4 máy lu rung. Thời hạn vay 48 tháng, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số REF1602700026 ngày 27/01/2016 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 432.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Ford Ranger. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng bằng VND + Biên độ 2,95%/năm, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô tải pickup cabin kép Ford Ranger.

(4) Công ty thuê máy móc thi công xây dựng theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease ngày 14/03/2016, ngày 13/06/2016, ngày 31/8/2017

18 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
- Dự phòng bảo hành công trình xây lắp		6.279.341.993
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.279.341.993</b>

**19 . Vốn chủ sở hữu**

**19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư 01/01/2016	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	11.435.650.338	11.435.650.338
Lãi trong kỳ	-	-	-	646.813.995	646.813.995
Tăng khác	-	-	-	10.788.836.343	10.788.836.343
Giảm vốn trong kỳ	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	-	(10.788.836.343)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	-	(10.788.836.343)
<b>Số dư 31/12/2016</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.990.880.189</b>	<b>(17.635.724.189)</b>	<b>64.355.156.000</b>
Số dư 01/01/2017	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.635.724.189)	64.355.156.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	17.838.729.163	17.838.729.163
Lãi trong kỳ	-	-	-	17.838.729.163	17.838.729.163
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.990.880.189</b>	<b>203.004.974</b>	<b>82.193.885.163</b>

**19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Cổ đông khác	76.000.000.000	76.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>76.000.000.000</b>



**19.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	76.000.000.000	76.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	76.000.000.000	76.000.000.000

**19.4. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**19.5. Các quỹ của doanh nghiệp:**

	31/12/2017	01/01/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	5.990.880.189	5.990.880.189

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	183.676.109.686	155.772.894.981
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.857.762	43.738.111
- Doanh thu bán hàng	29.451.064.452	1.849.844.781
<b>Cộng</b>	<b>213.171.031.900</b>	<b>157.666.477.873</b>

**2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	183.676.109.686	155.772.894.981
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	43.857.762	43.738.111
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	29.451.064.452	1.849.844.781
<b>Cộng</b>	<b>213.171.031.900</b>	<b>157.666.477.873</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>3 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	158.010.610.655	135.986.847.815
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.650.989	26.842.457
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.293.599.789	5.404.402.688
<b>Cộng</b>	<b>183.347.861.433</b>	<b>141.418.092.960</b>
<b>4 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	257.453.454	124.746.843
- Lãi bán hàng trả chậm		1.606.688.401
<b>Cộng</b>	<b>257.453.454</b>	<b>1.731.435.244</b>
<b>5 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	8.131.147.794	7.384.413.243
<b>Cộng</b>	<b>8.131.147.794</b>	<b>7.384.413.243</b>
<b>6 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		00/01/1900
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	10.459.731.724	9.989.747.322
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	10.459.731.724	9.989.747.322
- Chi phí nhân viên quản lý	5.956.323.879	6.059.777.538
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.503.407.845	3.929.969.784
<b>7 . Thu nhập khác</b>		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình Bán Chát	6.279.341.993	
- Các khoản thu nhập khác	73.304.000	45.454.545
<b>Cộng</b>	<b>6.352.645.993</b>	<b>45.454.545</b>
<b>8 . Chi phí khác</b>		
- Chi phí khác	3.661.233	4.300.142
<b>Cộng</b>	<b>3.661.233</b>	<b>4.300.142</b>
<b>9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a. Lợi nhuận trước thuế	17.838.729.163	646.813.995
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		41.660.028
- Các khoản điều chỉnh tăng		40.800.000
+ <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành</i>		860.028
+ <i>Phạt chậm nộp thuế</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	17.838.729.163	646.813.995
+ <i>Bù lỗ năm trước</i>	17.838.729.163	646.813.995
c. Thu nhập tính thuế TNDN (a)+(b)		
d. Thuế TNDN		

10 . Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	17.838.729.163	646.813.995
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	7.600.000	7.600.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.347</u>	<u>85</u>
11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.450.486.193	56.124.593.520
Chi phí nhân công	15.882.404.644	9.282.756.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.323.304.524	3.380.457.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.456.152.125	15.843.332.438
Chi phí khác bằng tiền	16.917.002.711	4.684.471.749
<b>Cộng</b>	<u><u>242.029.350.197</u></u>	<u><u>89.315.612.107</u></u>

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**3 . Thông tin về các bên liên quan**

**3.1 Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Licogi 16	Hồ Chí Minh	Cổ đông chính
Công ty CP Licogi 13 - Vật liệu xây dựng	Hà Nội	Cùng tập đoàn
Công ty CP Licogi 13 - XD và kỹ thuật CT	Hà Nội	Cùng tập đoàn
Công ty CP Licogi 15	Hà Nội	Cùng tập đoàn

**3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:**

TT	Các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
<b>a, Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
1	Công ty Cổ phần Licogi 16	8.046.525.623	87.657.209.377
<b>b, Mua đá, tài sản cố định, thuê máy, thuê thiết bị, thí nghiệm công trình</b>			
1	Công ty Cổ phần Licogi 16	7.582.204.779	7.583.999.757
2	Công ty CP Licogi 13 - XD và kỹ thuật CT		317.750.400

**3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

TT	Các bên liên quan	31/12/2017	01/01/2017
<b>a, Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ</b>			
1	Công ty Cổ phần Licogi 16	23.729.732.221	43.880.073.627
1	Công ty CP Licogi 13 - XD và kỹ thuật CT	74.380.174	74.380.174
<b>b, Phải trả khác</b>			
1	Công ty CP Licogi 13 - Vật liệu xây dựng	467.225.138	467.225.138
2	Công ty Cổ phần Licogi 15	59.198.566	59.198.566
3	Công ty Cổ phần Licogi 16	3.700.000.000	3.700.000.000

**3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc 2017:

TT	Bộ phận	Thu nhập
	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	2.453.835.813
	Cộng	2.453.835.813

**4 . Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5 . Công cụ tài chính-**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	5.787.968.036	-	167.437.151	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.384.858.169	(470.678.213)	73.619.117.592	(470.678.213)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	2.200.000.000	-	2.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>97.372.826.205</b>	<b>(470.678.213)</b>	<b>75.986.554.743</b>	<b>(470.678.213)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	48.125.068.162	30.649.058.539
Chi phí phải trả	2.042.114.277	916.486.276
Các khoản vay	100.613.300.164	74.491.228.886
<b>Cộng</b>	<b>150.780.482.603</b>	<b>106.056.773.701</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính-bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Từ 01 đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	83.676.945.916	16.936.354.248	100.613.300.164
Phải trả người bán	39.503.640.276	-	39.503.640.276
Chi phí phải trả	2.042.114.277	-	2.042.114.277
Phải trả khác	8.473.756.143	147.671.743	8.621.427.886
<b>Số đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	65.629.263.328	8.861.965.558	74.491.228.886
Phải trả người bán	23.329.100.218	-	23.329.100.218
Chi phí phải trả	916.486.276	-	916.486.276
Phải trả khác	7.172.286.578	147.671.743	7.319.958.321

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

#### 7. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu

Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng

Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018





**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
đã được kiểm toán**

33



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10-34

## CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 166

Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến,

P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 166 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 11 ngày 04/12/2014.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

##### Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Vũ Công Hưng	Chủ tịch
Ông: Tăng Quốc Thuộc	Thành viên
Ông: Nguyễn Anh Tú	Thành viên
Ông: Lê Đình Đáp	Thành viên
Bà: Bùi Thị Nhân Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

##### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 16/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

~~Ông Giám đốc~~





Số: 323 /BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mê Trì  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: kiemtoanava.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Licogi 166

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Licogi 166 được lập ngày 01/03/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		228.227.864.103	152.683.975.368
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	5.775.622.023	162.104.388
1. Tiền	111		775.622.023	162.104.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		2.200.000.000	2.200.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.200.000.000	2.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		127.302.027.298	105.138.434.544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	56.954.757.590	66.122.025.450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	39.113.266.043	29.242.863.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	31.704.681.878	10.244.223.667
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(470.678.213)	(470.678.213)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		91.151.429.410	43.936.232.664
1. Hàng tồn kho	141	V.06	91.151.429.410	43.936.232.664
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		1.798.785.372	1.247.203.772
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	433.523.271	398.400.140
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.365.262.101	848.803.632
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		83.353.283.368	74.232.473.119
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	447.407.263
1. Phải thu dài hạn khác	216			447.407.263
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		65.010.413.221	56.520.853.241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	47.287.866.754	49.541.774.320
- Nguyên giá	222		95.156.579.596	98.301.878.001
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(47.868.712.842)	(48.760.103.681)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	17.722.546.467	6.979.078.921
- Nguyên giá	225		19.197.444.548	7.395.161.364
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(1.474.898.081)	(416.082.443)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		1.035.213.000	1.035.213.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.035.213.000	1.035.213.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.11	16.992.381.697	15.980.126.111
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.007.618.303)	(4.019.873.889)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		315.275.450	248.873.504
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	315.275.450	248.873.504
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<u>311.581.147.471</u>	<u>226.916.448.487</u>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>229.387.262.308</b>	<b>162.561.292.487</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>212.303.236.317</b>	<b>153.551.655.186</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	39.370.311.209	22.379.481.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	76.783.743.257	48.078.912.616
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	294.412.892	7.485.545
4. Phải trả người lao động	314		3.620.872.691	3.372.703.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	160.186.361	344.493.466
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	8.314.689.951	7.065.791.855
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	83.676.945.916	65.629.263.328
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18		6.279.341.993
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		82.074.040	394.181.313
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.084.025.991</b>	<b>9.009.637.301</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		147.671.743	147.671.743
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	16.936.354.248	8.861.965.558
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>82.193.885.163</b>	<b>64.355.156.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>82.193.885.163</b>	<b>64.355.156.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		76.000.000.000	76.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.000.000.000	76.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.990.880.189	5.990.880.189
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		203.004.974	(17.635.724.189)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.635.724.189)	(18.282.538.184)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		17.838.729.163	646.813.995
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>311.581.147.471</b>	<b>226.916.448.487</b>

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	220.672.219.654	162.962.297.218
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	220.672.219.654	162.962.297.218
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	192.280.410.257	143.134.403.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.391.809.397	19.827.893.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	257.409.237	1.731.329.708
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.118.892.208	11.376.683.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.131.147.794	7.384.413.243
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	10.040.582.023	9.576.880.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.489.744.403	605.659.592
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.352.645.993	45.454.545
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.661.233	4.300.142
13. Lợi nhuận khác	40		6.348.984.760	41.154.403
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.838.729.163	646.813.995
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.838.729.163	646.813.995

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc




Vũ Công Hưng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

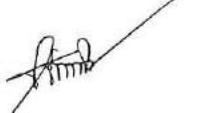
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.838.729.163	646.813.995
2. Điều chỉnh cho các khoản		11.435.730.267	17.445.360.698
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	10.923.319.473	6.238.773.035
- Các khoản dự phòng		(7.291.597.579)	3.992.270.272
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(257.409.237)	(170.095.852)
- Chi phí lãi vay	06	8.131.147.794	7.384.413.243
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.274.459.430	18.092.174.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.232.643.960)	10.453.582.664
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(47.215.196.746)	(26.304.375.159)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	47.249.818.037	(993.115.569)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(101.525.077)	307.364.821
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.085.618.022)	(7.359.308.108)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(65.739.762)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(312.107.273)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.422.813.611)	(5.869.416.420)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.412.879.453)	(10.697.736.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		950.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	257.409.237	124.641.307
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.155.470.216)	(11.777.640.648)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	134.217.440.809	113.088.567.210
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(100.837.228.776)	(98.524.062.415)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.258.140.755)	(3.028.214.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.122.071.278	11.536.290.186
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.543.787.451	(6.110.766.882)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	162.104.388	6.272.871.270
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.775.622.023	162.104.388

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 166 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102264629, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2007, thay đổi lần 11 ngày 04/12/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 76.000.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 4, tòa nhà JSC 34, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi kinh doanh các ngành nghề sau : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, lắp đặt hệ thống chống sét;
- ✓ Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi kinh doanh các ngành nghề sau : Thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi kinh doanh các ngành nghề sau : Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy các công trình xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết : - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và kinh doanh bất động sản;

- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết : Khí công nghiệp, khí nén;

- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Chi tiết : Kinh doanh điện;

- ✓ Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Chi tiết : Kinh doanh nước;

- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- ✓ Vận tải bằng xe buýt;

- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết : Vận tải khách bằng taxi;

- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác  
Chi tiết : Vận tải khách du lịch, Vận tải khách theo hợp đồng, Vận tải khách theo tuyến cố định;
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác  
Chi tiết : - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác  
Chi tiết : Kinh doanh ô tô;
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  
Chi tiết : Kinh doanh phụ tùng ô tô;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  
Chi tiết : - Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ, Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, nền móng công trình;
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác  
Chi tiết : Cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật;
- ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu  
Chi tiết : Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị  
Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị các sản phẩm cơ khí và kết cấu địa hình khác;
- ✓ Sản xuất máy chuyên dụng khác  
Chi tiết : - Sản xuất kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng;
- ✓ Gia công cơ khí ; xử lý và tráng phủ kim loại  
Chi tiết : Gia công chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ  
Chi tiết : - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng;
- ✓ Xây dựng công trình công ích  
Chi tiết : Thi công xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc ; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường ; các công trình phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ ; các công trình thông gió cấp nhiệt, điều hòa không khí;

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm 31/12/2017, Văn phòng Công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà JSC, ngõ 164 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Công ty Con:** Tại thời điểm ngày 31/12/2017, Công ty có một (01) Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng Licogi 166	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh khai thác đá

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

## **2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

**c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

**5. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hệ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chi tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá

công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### *a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

### *b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

### *c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### *d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

#### **8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**



Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);

- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### **15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

11/01/2018

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ-lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

#### **20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **a. Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

///-DAMSA

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2017	01/01/2017
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	111.248.168	72.608.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	664.373.855	89.496.323
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.775.622.023</b>	<b>162.104.388</b>
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
a) Phải thu khách hàng	33.150.645.195	16.342.170.370
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	3.750.226.012	8.572.930.272
- Công ty CP Vinaconex 25 - CN Đà Nẵng	803.124.092	2.918.463.292
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng	2.531.242.615	2.408.675.508
- Công ty CP Ngõ nhà mới	17.233.061.216	-
- Cty TNHH sản xuất và kinh doanh Ami	5.504.350.000	-
- Các khách hàng khác	3.328.641.260	2.442.101.298
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	23.804.112.395	49.779.855.080
<b>Cộng</b>	<b>56.954.757.590</b>	<b>66.122.025.450</b>
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>		
a) Trả trước cho người bán	14.921.382.334	16.640.073.985
- Công ty TNHH Sao thỏ Hà Tĩnh	6.200.477.753	7.052.132.884
- Cty CP Cơ khí Hải Thanh	-	3.592.775.000
- Cty TNHH Trường Thịnh Phát	2.408.884.464	2.981.927.360
- Công ty TNHH Toyota Thanh Xuân	2.262.000.000	-
- Cty TNHH MTVTM &VT Hoàng Khánh Li	1.011.979.500	-
- Trả trước cho người bán khác	3.038.040.617	3.013.238.741
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	24.191.883.709	12.602.789.655
<b>Cộng</b>	<b>39.113.266.043</b>	<b>29.242.863.640</b>
<b>4 . Phải thu ngắn hạn khác</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
Phải thu khác	2.162.693.305	-
Tạm ứng	19.368.238.628	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.723.749.945	-
<b>Cộng</b>	<b>31.704.681.878</b>	<b>10.244.223.667</b>

5 . Nợ xấu	31/12/2017		01/01/2017								
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng							
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	677.359.855	(470.678.213)	677.359.855	(470.678.213)							
+ Công ty CP Licogi 13- XD và KT công trình	74.380.174	(52.066.122)	74.380.174	(52.066.122)							
+ CN Khai thác khoáng sản PVC Thanh Hóa	234.244.500	(234.244.500)	234.244.500	(234.244.500)							
+ Công ty CP ĐTTM Xây dựng Điện 6	368.735.181	(184.367.591)	368.735.181	(184.367.591)							
<b>Cộng</b>	<b>677.359.855</b>	<b>(470.678.213)</b>	<b>677.359.855</b>	<b>(470.678.213)</b>							
6 . Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017								
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng							
Nguyên liệu, vật liệu	10.630.382.459	-	1.454.974.538	-							
Công cụ, dụng cụ	50.993.000	-	109.022.319	-							
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.470.053.951	-	42.372.235.807	-							
<b>Cộng</b>	<b>91.151.429.410</b>	<b>-</b>	<b>43.936.232.664</b>	<b>-</b>							
7 . Chi phí trả trước	31/12/2017		01/01/2017								
	a, Ngắn hạn		398.400.140								
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	66.159.363		191.837.797								
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	62.300.000		65.250.000								
Khác	305.063.908		141.312.343								
b, Dài hạn		248.873.504									
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	18.000.000		121.500.000								
Khác	297.275.450		127.373.504								
<b>Cộng</b>	<b>748.798.721</b>		<b>647.273.644</b>								
8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị DCQL		Cộng		
	Nguyên giá TSCĐ		Số dư đầu kỳ		Số tăng trong kỳ		Mua trong kỳ		Số giảm trong kỳ		
Số dư đầu kỳ		8.554.256.647	74.864.891.793	14.833.829.561	48.900.000	98.301.878.001					
Số tăng trong kỳ		-	1.395.590.909	5.007.372.727	154.974.545	6.557.938.181					
Mua trong kỳ		-	1.395.590.909	5.007.372.727	154.974.545	6.557.938.181					
Số giảm trong kỳ		-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586					
Thanh lý, nhượng bán		-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586					
Số dư cuối kỳ		8.554.256.647	68.208.375.729	18.190.072.675	203.874.545	95.156.579.596					
Giá trị hao mòn lũy kế		Số dư đầu kỳ		Số tăng trong kỳ		Khấu hao trong kỳ		Số giảm trong kỳ		Thanh lý, nhượng bán	
Số dư đầu kỳ		1.715.218.205	36.866.944.438	10.136.063.323	41.877.715	48.760.103.681					
Số tăng trong kỳ		214.402.277	7.444.982.662	1.128.728.189	23.732.619	8.811.845.747					
Khấu hao trong kỳ		214.402.277	7.444.982.662	1.128.728.189	23.732.619	8.811.845.747					
Số giảm trong kỳ		-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586					
Thanh lý, nhượng bán		-	8.052.106.973	1.651.129.613	-	9.703.236.586					
Số dư cuối kỳ		1.929.620.482	36.259.820.127	9.613.661.899	65.610.334	47.868.712.842					
Giá trị còn lại		Tại ngày đầu kỳ		Tại ngày cuối kỳ		Tại ngày đầu kỳ		Tại ngày cuối kỳ			
Tại ngày đầu kỳ		6.839.038.442	37.997.947.355	4.697.766.238	7.022.285	49.541.774.320					
Tại ngày cuối kỳ		6.624.636.165	31.948.555.602	8.576.410.776	138.264.211	47.287.866.754					

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay:	28.064.428.848
Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	22.229.069.924

## 9 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			7.395.161.364
Số dư đầu kỳ	7.395.161.364		11.802.283.184
Số tăng trong kỳ	11.802.283.184		11.802.283.184
- Thuê tài chính trong năm	11.802.283.184		-
Số giảm trong kỳ	-		-
Số dư cuối kỳ	19.197.444.548		19.197.444.548
Giá trị hao mòn lũy kế			416.082.443
Số dư đầu kỳ	416.082.443		1.058.815.638
Số tăng trong kỳ	1.058.815.638		1.058.815.638
- Khấu hao trong kỳ	1.058.815.638		-
Số giảm trong kỳ	-		-
Số dư cuối kỳ	1.474.898.081		1.474.898.081
Giá trị còn lại			6.979.078.921
Tại ngày đầu kỳ	6.979.078.921		17.722.546.467
Tại ngày cuối kỳ	17.722.546.467		17.722.546.467

Công ty thuê máy móc thi công xây dựng theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease ngày 14/03/2016, ngày 13/06/2016 và ngày 31/8/2017.

## 10 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.035.213.000	1.035.213.000
- Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
<b>Cộng</b>	<b>1.035.213.000</b>	<b>1.035.213.000</b>

## 11 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	20.000.000.000	(3.007.618.303)	16.992.381.697	20.000.000.000	(4.019.873.889)	15.980.126.111
Công ty TNHH MTV						
+ Vật liệu Xây dựng	20.000.000.000	(3.007.618.303)	16.992.381.697	20.000.000.000	(4.019.873.889)	15.980.126.111
Licogi 16						



Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 28.064.428.848

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 22.229.069.924

## 9 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.395.161.364		7.395.161.364
Số tăng trong kỳ	11.802.283.184		11.802.283.184
- Thuê tài chính trong năm	11.802.283.184		11.802.283.184
Số giảm trong kỳ	-		-
Số dư cuối kỳ	19.197.444.548		19.197.444.548
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	416.082.443		416.082.443
Số tăng trong kỳ	1.058.815.638		1.058.815.638
- Khấu hao trong kỳ	1.058.815.638		1.058.815.638
Số giảm trong kỳ	-		-
Số dư cuối kỳ	1.474.898.081		1.474.898.081
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	6.979.078.921		6.979.078.921
Tại ngày cuối kỳ	17.722.546.467		17.722.546.467

Công ty thuê máy móc thi công xây dựng theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease ngày 14/03/2016, ngày 13/06/2016 và ngày 31/8/2017.

## 10 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.035.213.000	1.035.213.000
- Quyền sử dụng đất tại Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.035.213.000	1.035.213.000
<b>Cộng</b>	<b>1.035.213.000</b>	<b>1.035.213.000</b>

## 11 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	20.000.000.000	(3.007.618.303)	16.992.381.697	20.000.000.000	(4.019.873.889)	15.980.126.111
Công ty TNHH MTV						
+ Vật liệu Xây dựng	20.000.000.000	(3.007.618.303)	16.992.381.697	20.000.000.000	(4.019.873.889)	15.980.126.111
Licogi 16						

12 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	39.370.311.209	39.370.311.209	21.542.288.430	21.542.288.430
- Cty CP Xây Lắp Thủy sản Việt Nam - CN Đà Nẵng	816.931.000	816.931.000	3.447.931.000	3.447.931.000
- Công ty cổ phần JITTA	147.724.500	147.724.500	2.149.281.750	2.149.281.750
- Công ty TNHH MTV XD và VT Sơn Hà	367.326.241	367.326.241	1.720.176.731	1.720.176.731
- Công ty CP XD và TM Đại Thành	307.779.170	307.779.170	202.215.117	202.215.117
- Công ty TNHH SM TM Xây dựng TPA	2.189.565.000	2.189.565.000		
- Công ty TNHH Nền móng xây dựng Nam Việt Long	773.636.898	773.636.898		
- Công ty cổ phần Nhật Nam	7.155.675.639	7.155.675.639	623.870.740	623.870.740
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	27.611.672.761	27.611.672.761	13.398.813.092	13.398.813.092
b) Phải trả người bán là các bên liên quan			837.192.840	837.192.840
Cộng	<u>39.370.311.209</u>	<u>39.370.311.209</u>	<u>22.379.481.270</u>	<u>22.379.481.270</u>

13 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	76.783.743.257	48.078.912.616
- Ban điều hành tổng thầu Bàn Chát		16.380.246
- Công ty cổ phần BOT Bắc giang Lạng sơn	67.004.168.456	
- Công ty CP BOT Biên Cương	9.779.574.801	48.062.532.370
Cộng	<u>76.783.743.257</u>	<u>48.078.912.616</u>

14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	-	22.074.552.370	22.074.552.370	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.403.655	461.440.917	174.513.570	293.331.002
Các loại thuế khác	1.081.890	86.037.221	86.037.221	1.081.890
Cộng	<u>7.485.545</u>	<u>22.622.030.508</u>	<u>22.335.103.161</u>	<u>294.412.892</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí lãi vay trích trước	160.186.361	114.656.589
Chi phí phải trả khác		229.836.877
Cộng	<u>160.186.361</u>	<u>344.493.466</u>

16 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2017			01/01/2017
- Kinh phí công đoàn	401.207.209			380.043.214
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	491.744.246			605.140.555
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	5.275.756.165			5.252.361.020
+ Phải trả về cổ tức	38.158.600			38.158.600
+ Ứng trước từ Công ty CP Licogi 16	3.700.000.000			3.700.000.000
+ Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	226.874.520			355.874.520
+ Phải trả phải nộp khác	1.310.723.045			1.158.327.900
- Tạm ứng dư Có	2.086.578.863			819.379.893
- Phải thu khác dư Có	59.403.468			8.867.173
<b>Cộng</b>	<b>8.314.689.951</b>			<b>7.065.791.855</b>
<b>17 . Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>83.676.945.916</b>	<b>121.054.158.697</b>	<b>103.006.476.109</b>	<b>65.629.263.328</b>
a, Vay ngắn hạn	83.676.945.916	121.054.158.697	97.269.478.776	59.892.265.995
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	83.676.945.916	121.054.158.697	97.269.478.776	59.892.265.995
b, Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	3.567.750.000	3.567.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (2)	-	-	3.423.750.000	3.423.750.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (3)	-	-	144.000.000	144.000.000
c, Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	2.169.247.333	2.169.247.333
Công ty TNHH cho thuê tài chính QT Chailease - CN Hà Nội (4)	-	-	2.169.247.333	2.169.247.333
<b>17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>16.936.354.248</b>	<b>13.163.282.112</b>	<b>5.088.893.422</b>	<b>8.861.965.558</b>
a, Vay dài hạn	5.924.750.000	-	-	5.924.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (2)	5.768.750.000	-	-	5.768.750.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội	156.000.000	-	-	156.000.000
b, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	2.937.215.558
Công ty TNHH cho thuê tài chính QT Chailease - CN Hà Nội (4)	11.011.604.248	13.163.282.112	5.088.893.422	2.937.215.558
<b>17.3 Số có khả năng trả nợ</b>	<b>100.613.300.164</b>			<b>74.491.228.886</b>
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	83.676.945.916	-	-	65.629.263.328
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.936.354.248	-	-	8.861.965.558

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1672957/HĐTD ngày 15/06/2017. Hạn mức tín dụng: 180.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ

(2) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số 02/1672957/2015/HĐTDTH ngày 29/12/2015 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 8.725.000.000đ. Mục đích vay: thanh toán tiền đầu tư Dự án: "Đầu tư máy công trình và phương tiện vận tải bao gồm 4 ô tô tải 3 chẵn, 1 máy đào bánh lốp, 4 máy lu rung. Thời hạn vay 48 tháng, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án.

(3) Khoản vay theo hợp đồng vay trung hạn số REF1602700026 ngày 27/01/2016 của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng 432.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô mang nhãn hiệu Ford Ranger. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng bằng VND + Biên độ 2,95%/năm, lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô tải pickup cabin kép Ford Ranger.

(4) Công ty thuê máy móc thi công xây dựng theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease ngày 14/03/2016, ngày 13/06/2016, ngày 31/8/2017

18 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
- Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	-	6.279.341.993
<b>Cộng</b>	-	6.279.341.993

**19 . Vốn chủ sở hữu**

**19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
Số dư 01/01/2016	76.000.000.000	7.616.480.409	9.163.236.123	(29.071.374.527)	63.708.342.005
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	11.435.650.338	11.435.650.338
Lãi trong kỳ	-	-	-	646.813.995	646.813.995
Tăng khác	-	-	-	10.788.836.343	10.788.836.343
Giảm vốn trong kỳ	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	-	(10.788.836.343)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ	-	(7.616.480.409)	(3.172.355.934)	-	(10.788.836.343)
Số dư 31/12/2016	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.635.724.189)	64.355.156.000
Số dư 01/01/2017	76.000.000.000	-	5.990.880.189	(17.635.724.189)	64.355.156.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	17.838.729.163	17.838.729.163
Lãi trong kỳ	-	-	-	17.838.729.163	17.838.729.163
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2017	76.000.000.000	-	5.990.880.189	203.004.974	82.193.885.163

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	76.000.000.000	76.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.000.000.000</b>	<b>76.000.000.000</b>
<b>19.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	76.000.000.000	76.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	76.000.000.000	76.000.000.000
<b>19.4. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.600.000	7.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.600.000	7.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	183.676.109.686	155.772.894.981
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.545.045.516	5.339.557.456
- Doanh thu bán hàng hóa	29.451.064.452	1.849.844.781
<b>Cộng</b>	<b>220.672.219.654</b>	<b>162.962.297.218</b>
<b>2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	183.676.109.686	155.772.894.981
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.545.045.516	5.339.557.456
- Doanh thu thuần bán hàng	29.451.064.452	1.849.844.781
<b>Cộng</b>	<b>220.672.219.654</b>	<b>162.962.297.218</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>3 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	158.010.610.655	135.986.847.815
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.544.838.743	5.322.661.802
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.724.960.859	1.824.894.139
<b>Cộng</b>	<b>192.280.410.257</b>	<b>143.134.403.756</b>
<b>4 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	257.409.237	124.641.307
- Lãi bán hàng trả chậm		1.606.688.401
<b>Cộng</b>	<b>257.409.237</b>	<b>1.731.329.708</b>
<b>5 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	8.131.147.794	7.384.413.243
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.012.255.586)	3.992.270.272
<b>Cộng</b>	<b>7.118.892.208</b>	<b>11.376.683.515</b>
<b>6 . Thu nhập khác</b>		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình Bản Chát	6.279.341.993	
- Các khoản thu nhập khác	73.304.000	45.454.545
<b>Cộng</b>	<b>6.352.645.993</b>	<b>45.454.545</b>
<b>7 . Chi phí khác</b>		
- Chi phí khác	3.661.233	4.300.142
<b>Cộng</b>	<b>3.661.233</b>	<b>4.300.142</b>
<b>8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>10.040.582.023</i>	<i>9.576.880.063</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	10.040.582.023	9.576.880.063
- Chi phí nhân viên quản lý	5.633.404.742	5.810.532.470
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.407.177.281	3.766.347.593

9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	17.838.729.163	646.813.995
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	72.000.000	41.660.028
+ <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành</i>	72.000.000	40.800.000
+ <i>Phạt vi phạm hành chính</i>		860.028
- Các khoản điều chỉnh giảm	17.838.729.163	646.813.995
+ <i>Bù lỗ năm trước</i>	17.838.729.163	646.813.995
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	-	-
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-
	<hr/>	<hr/>
11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.569.508.800	105.474.418.913
Chi phí nhân công	12.804.999.596	16.988.922.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.870.661.385	6.238.773.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.008.896.695	45.207.656.012
Chi phí khác bằng tiền	14.164.743.948	4.752.629.998
<b>Cộng</b>	<hr/> <b>240.418.810.424</b> <hr/>	<hr/> <b>178.662.400.011</b> <hr/>

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

## 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

## 3 . Thông tin về các bên liên quan

## 3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Licogi 16	Hồ Chí Minh	Cổ đông chính
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	Hà Tĩnh	Công ty con
Công ty CP Licogi 13 - Vật liệu xây dựng	Hà Nội	Cùng tập đoàn
Công ty CP Licogi 13 - XD và kỹ thuật CT	Hà Nội	Cùng tập đoàn
Công ty CP Licogi 15	Hà Nội	Cùng tập đoàn

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
<b>a, Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
1	Công ty Cổ phần Licogi 16	8.046.525.623	87.657.209.377
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166		5.295.819.345
<b>b, Mua đá, tài sản cố định, thuê máy, thuê thiết bị, thí nghiệm công trình</b>			
1	Công ty Cổ phần Licogi 13 - Vật liệu xây dựng	7.636.089.077	317.750.400
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166		768.379.894
<b>c, Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu</b>			
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	6.717.899.409	7.089.652.270

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2017:

TT	Các bên liên quan	31/12/2017	01/01/2017
<b>a, Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ</b>			
1	Công ty Cổ phần Licogi 16	23.729.732.221	43.880.073.627
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	-	5.825.401.279
3	Công ty CP Licogi 13 - XD và kỹ thuật CT	74.380.174	74.380.174
<b>Cộng</b>		<b>23.804.112.395</b>	<b>49.779.855.080</b>
<b>b, Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	24.191.883.709	12.602.789.655
<b>Cộng</b>		<b>24.191.883.709</b>	<b>12.602.789.655</b>
<b>c, Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Licogi 166	-	837.192.840
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>837.192.840</b>
<b>d, Phải trả, phải nộp khác</b>			
1	Công ty CP Licogi 13 - Vật liệu xây dựng	467.225.138	467.225.138
2	Công ty Cổ phần Licogi 15	59.198.566	59.198.566
3	Công ty Cổ phần Licogi 16	3.700.000.000	3.700.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.226.423.704</b>	<b>4.226.423.704</b>

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2017:

TT	Bộ phận	Thu nhập
	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	2.069.627.771
<b>Cộng</b>		<b>2.069.627.771</b>

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



## 5. Công cụ tài chính

## Giá trị sổ kế toán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	5.775.622.023	-	162.104.388	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.659.439.468	(470.678.213)	76.813.656.380	(470.678.213)
Đầu tư ngắn hạn	2.200.000.000	-	2.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	(3.007.618.303)	20.000.000.000	(4.019.873.889)
<b>Cộng</b>	<b>116.635.061.491</b>	<b>(3.478.296.516)</b>	<b>99.175.760.768</b>	<b>(4.490.552.102)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	47.832.672.903	29.592.944.868
Chi phí phải trả	160.186.361	344.493.466
Các khoản vay	100.613.300.164	74.491.228.886
<b>Cộng</b>	<b>148.606.159.428</b>	<b>104.428.667.220</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	83.676.945.916	16.936.354.248	100.613.300.164
Phải trả người bán	39.370.311.209	-	39.370.311.209
Chi phí phải trả	160.186.361	-	160.186.361
Phải trả khác	8.314.689.951	147.671.743	8.462.361.694
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	65.629.263.328	8.861.965.558	74.491.228.886
Phải trả người bán	22.379.481.270	-	22.379.481.270
Chi phí phải trả	344.493.466	-	344.493.466
Phải trả khác	7.065.791.855	147.671.743	7.213.463.598

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**6 . Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Công ty Cổ phần Licogi 166 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

**7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

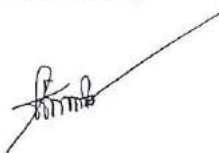
Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Đào Lan Tuyết

Kế toán trưởng



Hà Thị Huệ

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Công Hưng





